



Hậu Giang, ngày 06 tháng 5 năm 2025

Số: 26 /BC-HĐQT

## BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024  
và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025

### Phần I

## KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2024

### I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước - Công trình đô thị Hậu Giang hoạt động trên các lĩnh vực chính là sản xuất kinh doanh nước sạch, thực hiện dịch vụ đô thị công ích trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và thực hiện thi công các công trình xây dựng:

- Công ty có 11 nhà máy và trạm xử lý nước với tổng công suất thiết kế đạt 49.425 m<sup>3</sup>/ngày đêm (công suất vận hành thực tế: 35.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm). Ngoài ra, Công ty còn liên kết mua nước của các nhà máy nước liên doanh với tổng sản lượng trên 27.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Thực hiện cung cấp nước sinh hoạt liên tục 24/24 giờ cho trên 75.000 hộ khách hàng, thực hiện các dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn toàn tỉnh Hậu Giang và thi công các công trình XD CB tại hầu hết các tỉnh thành khu vực phía Nam.

- Công ty hiện có hàng chục xe máy, thiết bị chuyên dùng phục vụ công tác dịch vụ công ích đô thị và thi công xây lắp như xe ép rác, xe thang, xe cầu, xe lu, máy đào, xe tưới nước, xe thông cống, các thiết bị chuyên dùng phục vụ thi công xây lắp...

#### 1. Thuận lợi

- Được sự quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện của các cấp chính quyền địa phương trong việc thực hiện các công tác chuyên môn của Công ty.

- Sự đồng thuận và thống nhất trong chỉ đạo điều hành các mặt hoạt động của HĐQT, ban điều hành công ty đã tạo điều kiện cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được thông suốt từ văn phòng công ty cho tới các công ty thành viên.

- Việc hoàn thành phương án tái cơ cấu Công ty theo đề án đã mang lại những hiệu quả nhất định trong hoạt động SXKD của Công ty.

- Tập thể Ban lãnh đạo và CNV LĐ đã luôn thể hiện tinh thần đoàn kết, trách nhiệm và quyết tâm cao trong công việc, công tác phối hợp giữa các phòng nghiệp vụ của Công ty với các Công ty thành viên trong việc thực hiện công tác chuyên môn nghiệp vụ cũng như giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ ngày càng được cải thiện. Nhờ đó tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục phát triển đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động SXKD như: Hệ thống SCADA giám sát lưu lượng và áp lực nước, ghi thu bằng thiết bị di động, phần mềm quản lý khách hàng, thu phí không dùng tiền mặt .... đã mang lại hiệu quả và tăng năng suất lao động.

- Thực hiện mua nước sạch từ các đơn vị liên doanh, Công ty đã hạn chế được tình trạng quá tải tại các nhà máy, trạm cấp nước và chủ động hơn trong công tác ứng phó xâm nhập mặn diễn ra vào những tháng mùa khô; chất lượng nước luôn được đảm bảo, an toàn và liên tục để cung cấp đến khách hàng.

- Trong năm Công ty đã tham gia và trúng thầu các gói thầu về dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh nên đảm bảo việc làm ổn định cho người lao động, doanh thu và lợi nhuận đạt so với kế hoạch đề ra.

- Việc đấu thầu và thi công các công trình XD CB tuy có gặp nhiều khó khăn nhưng với sự nỗ lực của tập thể CB CNV-NLĐ của công ty thành viên cũng như của HĐQT, Ban TGD trong năm 2024 vẫn đảm bảo ổn định công việc, doanh thu và lợi nhuận.

## 2. Khó khăn

- Do Công ty mới hoàn thành việc tái cơ cấu nên công tác quản lý, điều hành, chỉ đạo còn chưa được hoàn thiện, một số vấn đề mới phát sinh liên tục, môi trường làm việc mới nên công tác phối hợp, xử lý một số việc mới phát sinh còn lúng túng, chưa nhịp nhàng, thậm chí còn bị động, việc báo cáo hợp nhất giữa công ty mẹ và các công ty thành viên cũng gặp một số khó khăn về thời gian và biểu mẫu, số liệu vẫn còn sai sót, các nhận xét đánh giá tình hình SXKD tại các đơn vị còn chưa sâu sát với tình hình thực tế của đơn vị.

- Hệ thống cấp nước trên địa bàn tỉnh chưa hoàn chỉnh và không đồng bộ, một số tuyến đường còn thiếu hoặc chưa nâng cấp ống truyền tải nên ảnh hưởng đến công tác phân phối, điều hoà áp lực, vùng phục vụ cấp nước còn chùng chéo giữa đô thị và nông thôn gây khó khăn cho Công ty trong quá trình cấp nước. Mạng lưới cấp nước luôn bị ảnh hưởng do các đơn vị thi công nâng cấp, mở rộng đường, thi công công trình... tác động gây hư hại đến hệ thống cấp nước làm tăng tỷ lệ thất thoát.



- Công tác thuê bao đô thị cũng gặp rất nhiều khó khăn về công tác đấu thầu cũng như nguồn vốn mà các địa phương bố trí để chi trả cho các hợp đồng Công ty thực hiện.

- Công tác thu phí vệ sinh: việc triển khai thực hiện ký kết hợp đồng với các hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo đơn giá mới (Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND tỉnh Hậu Giang về quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt) vẫn còn gặp nhiều khó khăn, do phải xác minh số nhân khẩu từng hộ khách hàng để tính giá phù hợp theo quy định; đồng thời, phải điều chỉnh tăng giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt hàng năm theo lộ trình tới năm 2030.

- Hiện tại nhiều máy móc, thiết bị chuyên dùng của Công ty đã cũ và thường xuyên hư hỏng đã làm ảnh hưởng nhiều đến công tác cung cấp dịch vụ của Công ty, bên cạnh đó công tác đăng kiểm các xe chuyên dùng gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là các xe ép rác mua trước đây không còn phù hợp với quy định về kỹ thuật khi đăng kiểm hiện nay nên buộc phải sửa chữa lại theo quy định hiện hành. Ngoài ra, Công ty cũng phải đại tu một số xe chuyên dùng đã xuống cấp nghiêm trọng không hoạt động được. Trong khi nợ phải thu trong lĩnh vực dịch vụ đô thị còn cao hơn nữa các địa phương trong tỉnh lại chọn hình thức đấu thầu từng năm một nên rất khó cho Công ty trong việc cân đối và đảm bảo nguồn vốn để mua mới hay sửa chữa các phương tiện, thiết bị chuyên dùng.

- Công tác quản lý vận hành bãi rác: Công ty đang quản lý bãi rác Tân Tiến, Long Mỹ và Kinh Cù. Hiện chỉ còn bãi rác Long Mỹ đang hoạt động song đã quá tải. Chi phí quản lý và xử lý các bãi rác vẫn phải duy trì thường xuyên. Trong quý II/2025, Nhà máy điện rác Hậu Giang đi vào vận hành thử nghiệm và sẽ vận hành chính thức trong những tháng cuối năm nên nguồn thu đối với dịch vụ công ích cũng sẽ giảm phần san ủi và xử lý. Các địa phương sẽ cắt giảm phần chi phí này của Công ty để thanh toán cho nhà máy điện rác Hậu Giang.

- Trong lĩnh vực XD CB: Do thiếu năng lực để đấu thầu trực tiếp, nên đa số công trình do Công ty ký hợp đồng chỉ thực hiện với vai trò thầu phụ, sự cạnh tranh trong lĩnh vực xây dựng ngày càng gay gắt, bên cạnh đó giá vật tư, nguyên vật liệu tăng cao và khan hiếm nên hiệu quả của lĩnh vực xây dựng cơ bản còn thấp.

- Một nguyên nhân chủ quan cũng đã ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động của công ty đó là một số cá nhân chưa thực sự làm việc hết khả năng, còn né tránh, trông chờ và ỷ lại, chưa phát huy hết sức mạnh của tập thể, thiếu sáng tạo trong công tác quản lý, điều hành và lao động sản xuất.

- Trước những thuận lợi và khó khăn nêu trên, trong quá trình thực hiện chỉ tiêu nhiệm vụ năm 2024 Công ty đã đạt được một số kết quả trên các mặt công tác như sau:



## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NĂM 2024

### 1. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản do công ty thực hiện

- Công tác MRMLCN: Trong năm 2024, Công ty đã đầu tư nguồn vốn để thi công MRMLCN 14 công trình tại các đơn vị trực thuộc với tổng số 25.605 mét dài ống các loại, giá trị dự toán 4,723 tỷ đồng; đã quyết toán 04 công trình với tổng giá trị là 0,974 tỷ đồng, đang thi công 04 công trình, còn lại 06 công trình chưa thi công.

- Công tác đầu tư XDCCB: Trong năm 2024, Công ty đã đầu tư 07 công trình với tổng giá trị khoảng 120 tỷ đồng, trong đó có các công trình trọng điểm như: Công trình tuyến ống truyền tải HDPE D.225 từ nút giao Mường Lộ đến nút giao QL61 Tân Tiến, với giá trị đầu tư khoảng 14 tỷ đồng; công trình cải tạo nâng công suất Nhà máy nước Ngã Sáu từ 1.400 m<sup>3</sup>/ngày đêm lên 4.400 m<sup>3</sup>/ngày đêm, với giá trị khoảng 21 tỷ đồng và công trình tuyến ống HDPE D.600 từ Tám Ngàn về TP. Vị Thanh, với giá trị đầu tư hơn 79 tỷ đồng.

### 2. Hoạt động của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang

- Tổng sản lượng nước tiêu thụ 14.955.672 m<sup>3</sup>, đạt 102,15% kế hoạch, tăng 7,26% so với cùng kỳ.

- Trong năm phát triển được 3.348 hộ khách hàng mới, nâng tổng số khách hàng sử dụng nước đến thời điểm cuối năm 2024 là 75.345 hộ, tăng 3,81% so với đầu năm 2024.

- Tỷ lệ thất thoát nước năm 2024 là 19,46%, đạt 88,26% so với kế hoạch, giảm 2,68% so với cùng kỳ.

- Doanh thu trên hóa đơn tiền nước là 142.563.008.200 đồng, đạt 109,26% so kế hoạch và tăng 0,28% so với năm 2023.

### 3. Hoạt động của Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Hậu Giang

- Tổng doanh thu trong năm 2024 là 124.171.896.000 đồng, đạt 100,7% so với kế hoạch đề ra, tăng 12,9% so với năm 2023. Trong đó, công tác thu phí vệ sinh đạt 115% so với kế hoạch và tăng 20,8% so cùng kỳ. Đối với công tác dịch vụ công ích đô thị tại các địa phương, Công ty đã thực hiện hoàn thành khối lượng của Chủ Đầu tư, tuy nhiên không đạt so với kế hoạch giao (do một số địa phương cắt giảm khối lượng thực hiện so với hợp đồng đã ký kết). Ngoài ra, một số công trình làm thêm Công ty đã triển khai thực hiện nhưng đến nay Chủ Đầu tư vẫn chưa thanh quyết toán nên ảnh hưởng đến kết quả hoạt động SXKD của Công ty.

- Trong năm, công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang được đảm bảo. Tuy nhiên, hiện tại nhiều máy móc, thiết bị chuyên dùng của Công ty đã cũ và thường xuyên hư hỏng đã làm ảnh hưởng nhiều đến công tác cung cấp dịch vụ của Công ty, bên cạnh đó công tác đăng kiểm các xe chuyên dùng gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là các xe ép rác mua trước



đây không còn phù hợp với quy định về kỹ thuật khi đăng kiểm hiện nay nên buộc phải sửa chữa lại theo quy định hiện hành. Ngoài ra, cũng phải đại tu một số xe chuyên dùng do đã xuống cấp nghiêm trọng không hoạt động được.

#### 4. Hoạt động của Công ty TNHH MTV TM-DV-XD Cửu Long

- Tổng doanh thu trong năm 2024 là 44.204.941.000 đồng, đạt 110,51% so với kế hoạch đề ra, giảm 11,39% so với năm 2023. Một số công trình đang thi công dở dang chưa có doanh thu, trong khi chi phí quản lý, chi phí tài chính phát sinh hàng tháng. Giá cả vật tư tăng cao, sự đứt quãng nguồn cung ứng vật tư (đặc biệt là cát san lấp) dẫn đến một số công trình chậm tiến độ cũng là nguyên nhân tăng chi phí và làm ảnh hưởng đến lợi nhuận Công ty.

#### 4. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính (HN)

##### 4.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu năm 2024

| TT  | Nội dung                        | ĐVT | Nghị quyết 2024 | Thực hiện 2024 | Đạt % so với NQ |
|-----|---------------------------------|-----|-----------------|----------------|-----------------|
| I   | Kết quả kinh doanh              |     |                 |                |                 |
| 1   | Tổng doanh thu và thu nhập      | tỷ  | 306,600         | 321,984        | 105,02          |
| 2   | Tổng chi phí                    | tỷ  | 296,100         | 300,233        | 101,40          |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế            | tỷ  | 10,500          | 21,751         | 207,15          |
| 4   | Thuế TNDN                       | tỷ  | 2,100           | 3,939          | 187,57          |
| 5   | Lợi nhuận sau thuế              | tỷ  | 8,400           | 17,812         | 212,05          |
| II  | Tỷ suất sinh lời                |     |                 |                |                 |
| 1   | Tỷ suất LNST/vốn điều lệ        | %   | 2,50            | 5,18           | 207,20          |
| 2   | Tỷ suất cổ tức/vốn cổ phần      | %   | 1,33            | 2,80           | 210,53          |
| III | Nộp ngân sách nhà nước (đã nộp) | tỷ  | 16,00           | 16,88          | 105,55          |

##### 4.2. Tài sản và nguồn vốn

| TT  | Chỉ tiêu         | ĐVT | Đến 31/12/2023 | Đến 31/12/2024 | Tăng, giảm (%) |
|-----|------------------|-----|----------------|----------------|----------------|
| 1   | Tổng tài sản     | tỷ  | 463,606        | 527,983        | 13,89          |
| 1.1 | Tài sản ngắn hạn | tỷ  | 152,798        | 194,974        | 27,60          |
| 1.2 | Tài sản dài hạn  | tỷ  | 310,808        | 333,009        | 7,14           |
| 2   | Tổng nguồn vốn   | tỷ  | 463,606        | 527,983        | 13,89          |
| 2.1 | Tổng nợ phải trả | tỷ  | 127,537        | 184,098        | 44,35          |
| 2.2 | Vốn chủ sở hữu   | tỷ  | 336,069        | 343,885        | 2,33           |

### III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

- Trong năm 2024, Công ty hoạt động ổn định và phát triển tốt, nguồn vốn của cổ đông được bảo toàn và phát triển. Công ty đã thực hiện đạt và vượt hầu hết chỉ tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra.

- Đạt được những thành quả nêu trên, là do trong năm 2024 Ban Lãnh đạo điều hành Công ty đã tranh thủ được sự quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và chính quyền các địa phương trong tỉnh Hậu Giang, đồng thời lãnh đạo Công ty cũng tăng cường lãnh chỉ đạo thực hiện tốt công tác chống thất thoát, thất thu nước, sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu sản xuất hợp lý; quan tâm công tác đào tạo, huấn luyện về chuyên môn, nghiệp vụ, công tác an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ. Thực hiện tốt các giải pháp tiết kiệm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận, cải thiện thu nhập cho người lao động. Đồng thời, đã đề ra nhiều giải pháp hợp lý khắc phục khó khăn về nguồn vốn hoạt động, giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn và thực hiện tốt công tác đầu tư phát triển trên từng lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp.

- Công ty luôn xác định người lao động là một trong những nhân tố quyết định sự phát triển thành công và bền vững cho Công ty, ban lãnh đạo không ngừng quan tâm, cải cách các chính sách có liên quan đến người lao động. Công ty đã và đang tạo được việc làm ổn định cho người lao động, tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định dành cho người lao động, duy trì các chính sách phúc lợi đều đặn hàng năm. Trong năm 2024 công tác tổ chức, quản lý cán bộ công nhân viên lao động thực hiện tương đối khoa học, ổn định, chặt chẽ và hợp lý.

- Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số hạn chế, thiếu sót cần khắc phục như sau:

- Vẫn còn một vài CNV-NLĐ chưa thực hiện tốt vai trò tham mưu, còn trông chờ, chậm trễ và sai sót trong công tác, chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, trong điều hành đơn vị, thiếu sáng tạo, đôn đốc, kiểm tra, kiểm soát nên còn hạn chế, thiếu sót dẫn đến hiệu quả công tác chưa cao, còn tư tưởng ỷ lại, chưa phát huy được hết tinh thần trách nhiệm và năng lực trong công việc.

- Tỷ lệ thất thoát của công ty vẫn còn ở mức rất cao so với quy định, mức sử dụng hóa chất (PAC) còn tăng cao so với định mức, nợ phải thu tiền nước của các kỳ còn nhiều, đặc biệt là nợ thuê bao đô thị của một số địa phương còn rất lớn đã ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả kinh doanh của đơn vị.

### Phần II

### PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2025



Kế thừa và phát huy những thành tích đạt được của năm 2024, Công ty Cổ phần CTN - CTĐT Hậu Giang đề ra phương hướng, nhiệm vụ năm 2025, cụ thể như sau:

## I. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

|                                     |            |                     |
|-------------------------------------|------------|---------------------|
| 1. Sản lượng nước tiêu thụ:         | 15.703.000 | m <sup>3</sup> /năm |
| 2. Tỷ lệ thất thoát nước bình quân: | 15,00      | %/năm               |
| 3. Tổng doanh thu (trước thuế VAT): | 336,453    | tỷ đồng/năm         |
| 4. Tổng chi phí:                    | 324,316    | tỷ đồng/năm         |
| 5. Lợi nhuận trước thuế:            | 12,137     | tỷ đồng/năm         |
| 6. Lợi nhuận sau thuế TNDN:         | 9,710      | tỷ đồng/năm         |
| 7. Tỷ suất cổ tức/cổ phần:          | 1,54       | %                   |
| 8. Khả năng thanh toán nợ đến hạn:  | Lớn hơn 1  | lần                 |

## II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Để đạt được các chỉ tiêu chủ yếu đề ra trong năm 2025, Công ty quyết tâm thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp sau đây:

### 1. Giải pháp về điều hành sản xuất, kinh doanh và kỹ thuật

- Tập trung thực hiện và ưu tiên đầu tư cho công tác chống thất thoát nước, quản lý, nâng cao chất lượng sản phẩm nước sinh hoạt cung cấp cho khách hàng luôn đảm bảo chất lượng nước theo tiêu chuẩn Bộ Y tế quy định.

- Tích cực phối hợp với các đơn vị liên doanh để cung cấp và tiếp nhận tốt lượng nước mua bán qua đồng hồ tổng, đảm bảo đạt chất lượng, đủ số lượng theo kế hoạch đề ra.

- Tăng cường công tác quản lý vận hành tốt các nhà máy, trạm cấp nước. Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị đảm bảo hoạt động liên tục, có hiệu quả. Nghiên cứu, đầu tư thay thế các thiết bị, máy bơm tuổi thọ cao, hiệu suất thấp nhưng có mức tiêu hao điện năng cao.

- Khảo sát, đánh giá nhu cầu sử dụng nước của khách hàng để cân nhắc đầu tư mở rộng mới một số tuyến ống cấp nước để cấp cho các khu vực thực sự có nhu cầu bức thiết về nước sạch. Đánh giá hiện trạng để quyết định cải tạo, nâng cấp một số tuyến ống cấp nước đã lắp đặt lâu năm, tỷ lệ thất thoát nước lớn.

- Quản lý và vận hành khai thác, bảo trì bảo dưỡng tốt các giếng khoan phục vụ công tác ứng phó khi nước mặn xâm nhập.

- Cập nhật và quản lý tốt thông tin khách hàng sử dụng nước, nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng, áp dụng ghi chỉ số đồng hồ bằng thiết bị di động, cải tiến công tác ghi - thu (thu tiền nước bằng hình thức không sử dụng tiền mặt) rút ngắn thời gian ghi, thu, giảm tỷ lệ tồn thu hóa đơn xuống mức thấp nhất.

- Tổ chức thực hiện tốt công tác súc, rửa, vệ sinh các tuyến ống truyền tải và phân phối theo phương pháp mới, góp phần nâng cao chất lượng nước cung cấp cho khách hàng.

- Nâng cao tỷ lệ thu hóa đơn tiền nước không dùng tiền mặt; từng bước hiện đại hóa, tự động hóa trong sản xuất.

- Khai thác có hiệu quả các điểm ưu việt của phần mềm quản lý khách hàng tổng thể và phát huy những ưu điểm của hệ thống SCADA trong công tác theo dõi áp lực, lưu lượng và chất lượng nước online, nhằm hỗ trợ tích cực trong công tác quản lý, điều hành sản xuất, kinh doanh của Công ty.

- Quản lý tốt và từng bước nâng cao năng suất, hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ của người lao động, động viên người lao động nỗ lực làm việc để đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu SXKD của đơn vị.

Trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho lực lượng lao động trực tiếp, đảm bảo an toàn lao động theo quy định. Nâng cao tay nghề của đội ngũ công nhân... đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ của công việc.

- Tiếp tục đầu tư mua sắm trang thiết bị, máy móc chuyên dùng phục vụ lĩnh vực thi công xây dựng và dịch vụ thương mại; vệ sinh môi trường đô thị, sửa chữa và đại tu lại các xe ép rác đã xuống cấp nghiêm trọng, sản xuất thêm các xe kéo tay lấy rác để đẩy nhanh tiến độ thu gom rác trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

- Linh động, nỗ lực trong việc thương thảo với địa phương để giữ vững việc làm, tìm thêm khối lượng thực hiện hợp đồng thuê bao đô thị, tạo được niềm tin và uy tín với địa phương.

- Tích cực tìm kiếm thông tin để tham gia các gói thầu xây lắp, đảm bảo ổn định công việc cho NLĐ, tổ chức triển khai thi công các công trình một cách khoa học, hợp lý nhằm đảm bảo chất lượng và tiến độ như đã cam kết trong hợp đồng và đem lại lợi nhuận cho Công ty.

## **2. Giải pháp về tài chính**

- Tăng cường hiệu quả trong quản lý nguồn vốn, sử dụng vốn bằng các biện pháp như phân đoạn đầu tư theo nhu cầu thị trường, phát huy tối đa công suất của các công trình đã đầu tư.

- Kiểm soát chặt chẽ các chi phí của các dự án đầu tư xây dựng, tránh lãng phí, không hiệu quả.

- Khai thác tốt các nguồn doanh thu thông qua việc thực hiện tốt công tác điều chỉnh giá nước và giá dịch vụ thu gom rác thải sinh hoạt và từ các ngành nghề kinh doanh mở rộng khác....

- Tập trung tích lũy nguồn vốn của Công ty, vốn vay ưu đãi để có đủ tiềm lực về tài chính, đủ sức thực hiện các dự án đầu tư mở rộng, cải tạo, nâng công suất các nhà máy nước, mở rộng mạng lưới cấp nước nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch cho khách hàng hoặc đầu tư mua sắm thiết bị chuyên dùng phục



vụ công tác đô thị, công ích hay phục vụ cho công tác mở rộng hoạt động SXKD thêm một số lĩnh vực khác, ngành nghề khác...

- Tăng cường công tác thu hồi công nợ, giảm nợ khó đòi, nợ đọng lâu năm, cân nhắc kỹ lưỡng để sử dụng đồng vốn có hiệu quả.
- Thực hiện các giải pháp nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất thông qua việc đầu tư thay thế các thiết bị, máy móc cũ kỹ, lạc hậu, tiêu hao nhiều năng lượng, tập trung chống thất thoát, thất thu nước, chống lãng phí về lao động và nhân công.
- Cần tập trung phân tích sự tăng giảm của các chỉ số tài chính, nhằm tìm ra nguyên nhân chính xác để làm cơ sở cho Ban lãnh đạo Công ty chỉ đạo thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra.

### 3. Giải pháp về tổ chức, nhân sự, tiền lương

- Tiếp tục thực hiện hoàn chỉnh đề án tái cơ cấu bộ máy tổ chức trong toàn Công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả và xây dựng hệ thống thang bảng lương phù hợp với việc tái cơ cấu lại doanh nghiệp theo hướng có lợi cho người sử dụng lao động và cả người lao động.

- Rà soát và đánh giá năng lực, trình độ cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động của các đơn vị để tiếp tục củng cố kiện toàn bộ máy quản lý điều hành theo hướng tinh gọn, hiệu quả và thích nghi với tình hình mới.

- Cần xây dựng bản mô tả công việc cho từng vị trí công tác để việc tuyển dụng phát huy hiệu quả một cách cao nhất. Ngoài ra, Công ty thành viên cần xây dựng chuẩn hoá quy trình tuyển dụng cho từng công ty. Nội dung của từng bước trong quy trình tuyển dụng cần được chú trọng, cập nhật sao cho phù hợp với thực tế công việc.

- Trên cơ sở kết quả đánh giá, Công ty thực hiện tốt công tác điều động, luân chuyển cán bộ quản lý, người lao động phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề của từng người, đồng thời tạo điều kiện phát huy hết năng lực cá nhân.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác đào tạo, nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý, người lao động. Công tác đào tạo được thực hiện theo kế hoạch hàng năm, ưu tiên cho công tác đào tạo tại chỗ. Chú trọng đào tạo bồi dưỡng và tuyển dụng đội ngũ cán bộ, công nhân viên có chuyên môn giỏi, có kinh nghiệm ở một số lĩnh vực quan trọng của Công ty.

- Công ty xây dựng chế độ đãi ngộ phù hợp cho người lao động và có quan tâm hơn đối với người lao động có năng lực. Đồng thời xây dựng phong trào cho người lao động phấn đấu, học tập, rèn luyện để trở thành người lao động giỏi.

- Chống lãng phí về lao động và thời gian lao động, đây là một trong những chi phí lớn trong giá sản xuất của tất cả các lĩnh vực kinh doanh. Do vậy cần phải có giải pháp tiết kiệm cụ thể là sắp xếp lại tổ chức bộ máy trong Công ty một cách

khoa học, phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ để phát huy tính hiệu quả, cải tiến, định mức công việc, từng bước thực hiện khoán quỹ lương cho người lao động.

- Công ty xây dựng chính sách khen thưởng những cá nhân, tập thể có đóng góp, có sáng kiến, có giải pháp hoặc cách làm giảm chi phí sản xuất hay có các đóng góp quan trọng khác và đồng thời nhắc nhở, xử lý các cá nhân, tập thể không tuân thủ sự chỉ đạo của lãnh đạo Công ty làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh, hoặc thực hiện sai các quy định của Công ty, chế độ chính sách của Nhà nước.

#### 4. Giải pháp chung

- Lãnh đạo các Công ty con dựa trên kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2025 của Công ty để xây dựng kế hoạch chi tiết từng tháng, quý, 6 tháng và cả năm của đơn vị mình. Đồng thời, triển khai nội dung kế hoạch của Công ty đến người lao động tại đơn vị nắm vững và phối hợp thực hiện. Trong quá trình thực hiện phải thường xuyên kiểm tra, giám sát, và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đánh giá kết quả thực hiện công việc được giao. Nhận định xu thế phát triển chung của tỉnh, của địa phương hoặc những ảnh hưởng khác tác động đến kế hoạch kinh doanh của Công ty để từ đó có những đề xuất kiến nghị với Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét, điều chỉnh kế hoạch kịp thời, nắm bắt cơ hội kinh doanh mới mang lại lợi nhuận cho Công ty.

- Ban quản lý, điều hành Công ty xây dựng và phát động các phong trào thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn Công ty. Phối hợp với các tổ chức đoàn thể công đoàn, cựu chiến binh và đoàn thanh niên lập kế hoạch xây dựng các chương trình mang tính chất giáo dục nhằm nâng cao nhận thức cho lãnh đạo CNV-NLĐ và cộng đồng xã hội về công tác chống thất thoát, thất thu nước, bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Kế hoạch này được triển khai đến tất cả các cổ đông của Công ty để phối hợp và giám sát thực hiện./.

#### Nơi nhận:

- HĐQT, Ban TGD;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Ban KS, Thư ký;
- Cổ đông Công ty;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



Vũ Minh Đức





Hậu Giang, ngày 06 tháng 5 năm 2025

Số: 27/BC-HĐQT

## BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông  
nhiệm kỳ III (2020 - 2025)

Định hướng phát triển nhiệm kỳ IV (2025 - 2030)

### Phần I

## BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông  
nhiệm kỳ III (2020 - 2025)

### I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

- Công ty Cổ phần Cấp thoát nước - Công trình đô thị Hậu Giang hoạt động trên các lĩnh vực chính là sản xuất kinh doanh nước sạch, thực hiện dịch vụ đô thị công ích trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và thi công các công trình xây dựng.

- Công ty có 11 nhà máy và trạm xử lý nước với tổng công suất thiết kế đạt 49.425 m<sup>3</sup>/ngày đêm (công suất vận hành: 35.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm). Ngoài ra, Công ty còn liên kết mua nước của các nhà máy nước liên doanh với tổng sản lượng trên 27.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Thực hiện cung cấp nước sinh hoạt liên tục 24/24 giờ cho trên 75.000 hộ khách hàng và dịch vụ vệ sinh, MTĐT trên địa bàn toàn tỉnh HG.

- Công ty hiện có hàng chục xe máy, thiết bị chuyên dùng phục vụ công tác đô thị công ích như xe ép rác, xe thang, xe cầu, máy đào, xe tưới nước, xe thông cống và các xe kéo tay lấy rác, các thiết bị chuyên dùng phục vụ thi công xây lắp...

- Ngoài ra, Công ty còn hoạt động chuyên về lĩnh vực xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật,

#### 1. Thuận lợi

Công ty thường xuyên nhận được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh, sự đồng thuận và giúp đỡ của các sở, ngành, địa phương trong tỉnh giúp doanh nghiệp có điều kiện thuận lợi để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

- Sự đồng thuận và thống nhất trong chỉ đạo điều hành các mặt hoạt động của HĐQT, ban điều hành công ty đã tạo điều kiện cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được thông suốt từ văn phòng công ty cho tới các công ty thành viên.

- Việc hoàn thành phương án tái cơ cấu công ty theo đề án đã mang lại những hiệu quả nhất định trong hoạt động SXKD của công ty.

- Tập thể Ban lãnh đạo và CNV LĐ đã thể hiện tinh thần đoàn kết, trách nhiệm và quyết tâm cao trong công việc, công tác phối hợp giữa các phòng nghiệp vụ của Công ty với các Công ty thành viên trong việc thực hiện công tác chuyên môn nghiệp vụ cũng như giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ ngày càng được cải thiện. Nhờ đó tình hình hoạt động sản xuất của Công ty tiếp tục phát triển đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động SXKD như: Ghi thu bằng thiết bị di động, phần mềm quản lý khách hàng, thu phí vệ sinh và thu tiền nước không dùng tiền mặt ... đã mang lại hiệu quả và tăng năng suất lao động.

- Công ty đã trúng thầu hầu hết các gói thầu về thu gom, xử lý rác, duy trì cây xanh chiếu sáng trên địa bàn tỉnh nên việc làm của người lao động, được đảm bảo, doanh thu và lợi nhuận đạt so với kế hoạch đề ra.

- Thực hiện mua nước sạch từ các đơn vị liên doanh, Công ty đã hạn chế được tình trạng quá tải tại các nhà máy, trạm cấp nước và chủ động hơn trong công tác ứng phó xâm nhập mặn diễn ra vào những tháng mùa khô; chất lượng nước luôn được đảm bảo, an toàn và liên tục để cung cấp đến khách hàng.

- Đội ngũ lãnh đạo, nhân viên, người lao động tại Công ty luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, sáng tạo, phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, ra sức thi đua lao động sản xuất giỏi, hoàn thành tốt nhiệm vụ, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chung của Công ty được Đại hội đồng cổ đông giao.

## 2. Khó khăn

- Trong nhiệm kỳ công ty đã tái cơ cấu lại tổ chức bộ máy từ các phòng ban đến các đơn vị thành viên, mặc dù việc tái cơ cấu đã đem lại những hiệu quả tích cực nhưng cũng gặp một số khó khăn nhất định trong giai đoạn tái cơ cấu cũng như sau tái cơ cấu. Do đó công tác quản lý, điều hành, chỉ đạo còn chưa được hoàn thiện, một số vấn đề mới phát sinh liên tục, môi trường làm việc mới nên công tác phối hợp, xử lý một số việc mới phát sinh còn lúng túng, chưa nhịp nhàng, thậm chí còn bị động, việc báo cáo hợp nhất giữa công ty mẹ và các công



ty thành viên cũng gặp một số khó khăn về thời gian và biểu mẫu, số liệu vẫn còn sai sót, các nhận xét đánh giá tình hình SXKD tại các đơn vị còn chưa sâu sát với tình hình thực tế của đơn vị.

- Một khó khăn rất lớn mà mọi người trên thế giới đều đã phải trải qua, trong đó Hawasuco, đó là đại dịch Covid 19 đã ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến các hoạt động SXKD của công ty.

- Hệ thống cấp nước trên địa bàn tỉnh chưa hoàn chỉnh và không đồng bộ, một số tuyến đường còn thiếu hoặc chưa nâng cấp ống truyền tải nên ảnh hưởng đến công tác phân phối, điều hoà áp lực, vùng phục vụ cấp nước còn chông chéo giữa đô thị và nông thôn gây khó khăn cho Công ty trong quá trình cấp nước. Mạng lưới cấp nước luôn bị ảnh hưởng do các đơn vị thi công nâng cấp, mở rộng đường, thi công công trình... tác động gây hư hại đến hệ thống cấp nước làm tăng tỷ lệ thất thoát. Bên cạnh đó, tình hình biến đổi khí hậu, khô hạn và mặn xâm nhập mấy năm gần đây ngày càng phức tạp... những khó khăn trên ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

- Công tác thuê bao đô thị cũng gặp rất nhiều khó khăn về công tác đấu thầu cũng như nguồn vốn mà các địa bố trí để trả cho các hợp đồng mà công ty thực hiện.

- Công tác thu phí vệ sinh: việc triển khai thực hiện ký kết hợp đồng với các hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo đơn giá mới (Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND tỉnh Hậu Giang về quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt) gặp nhiều khó khăn, do phải xác minh số nhân khẩu từng hộ khách hàng để tính giá phù hợp theo quy định.

- Hiện tại nhiều máy móc, thiết bị chuyên dùng của Công ty đã cũ và thường xuyên hư hỏng đã làm ảnh hưởng nhiều đến công tác cung cấp dịch vụ của Công ty, bên cạnh đó công tác đăng kiểm các xe chuyên dùng gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là các xe ép rác mua trước đây không còn phù hợp với quy định về kỹ thuật khi đăng kiểm hiện nay (dư chiều dài thùng ép 0,1m và dàn nâng) nên buộc phải sửa chữa lại theo quy định hiện hành. Ngoài ra, phải đại tu toàn bộ xe hút cống, do xe đã xuống cấp nghiêm trọng không hoạt động được. Trong khi nợ phải thu trong lĩnh vực dịch vụ đô thị còn cao hơn nữa các địa phương trong tỉnh lại chọn hình thức đấu thầu từng năm một nên rất khó cho công ty trong việc cân đối và đảm bảo nguồn vốn để mua mới hay sửa chữa các phương tiện, thiết bị chuyên dùng.

- Trong lĩnh vực XDCCB: Do thiếu năng lực để đầu thầu trực tiếp, nên đa số công trình do Công ty ký hợp đồng chỉ thực hiện với vai trò thầu phụ, sự cạnh tranh trong lĩnh vực xây dựng ngày càng gay gắt, bên cạnh đó giá vật tư, nguyên vật liệu tăng cao và khan hiếm nên hiệu quả của lĩnh vực xây dựng cơ bản còn thấp.

- Một nguyên nhân chủ quan cũng đã ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động của công ty đó là: Sau khi công ty tiến hành tái cơ cấu, hiệu quả và năng suất lao động, ý thức trách nhiệm trong đại bộ phận lãnh đạo CNV-NLĐ đã được cải thiện đáng kể nhưng vẫn còn một số không ít cá nhân chưa thực sự làm việc hết khả năng, còn né tránh, trông chờ và ỷ lại, chưa phát huy hết sức mạnh của tập thể, thiếu sáng tạo trong công tác quản lý, điều hành và lao động sản xuất.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU:

### 1. Các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh:

| TT | CHỈ TIÊU                    | ĐVT                  | KẾT QUẢ THỰC HIỆN |        |        |        |        |                           |
|----|-----------------------------|----------------------|-------------------|--------|--------|--------|--------|---------------------------|
|    |                             |                      | 2020              | 2021   | 2022   | 2023   | 2024   | Tăng trưởng bình quân (%) |
| 1  | 2                           | 3                    | 4                 | 5      | 6      | 7      | 8      | 9                         |
| 01 | Sản lượng nước tiêu thụ     | Triệu m <sup>3</sup> | 12,038            | 12,435 | 13,132 | 13,944 | 14,955 | 5,58                      |
| 02 | Tỷ lệ thất thoát (9=8-4)    | %                    | 17,32             | 20,40  | 20,19  | 22,14  | 19,46  | 2,14                      |
| 03 | Doanh thu tiền nước         | Tỷ đồng              | 94,10             | 96,52  | 102,60 | 142,17 | 142,56 | 11,93                     |
| 04 | Doanh thu lĩnh vực đô thị   | Tỷ đồng              | 99,00             | 106,70 | 114,80 | 110,02 | 124,17 | 6,02                      |
| 05 | Doanh thu lĩnh vực xây dựng | Tỷ đồng              |                   | 20,94  | 72,92  | 49,99  | 44,20  | 51,30                     |

### 2. Các chỉ tiêu tài chính

#### 2.1. Về kết quả kinh doanh, lợi nhuận và nộp ngân sách nhà nước:



| STT | Nội dung                                    | Năm 2020 |           | Năm 2021 |           | Năm 2022 |           | Năm 2023 |           | Năm 2024 |           | Tổng cộng |           |
|-----|---------------------------------------------|----------|-----------|----------|-----------|----------|-----------|----------|-----------|----------|-----------|-----------|-----------|
|     |                                             | KH       | Thực hiện | KH       | Thực hiện | KH       | Thực hiện | KH       | Thực hiện | KH       | Thực hiện | KH        | Thực hiện |
| 1   | 2                                           | 3        | 4         | 5        | 6         | 7        | 8         | 9        | 10        | 11       | 12        | 13        | 14        |
| I   | Kết quả kinh doanh                          |          |           |          |           |          |           |          |           |          |           |           |           |
| 1   | Tổng doanh thu (triệu đồng)                 | 188.923  | 212.443   | 211.449  | 232.540   | 251.253  | 280.787   | 292.000  | 318.354   | 306.600  | 321.984   | 1.250.225 | 1.366.108 |
| 2   | Tổng chi phí (triệu đồng)                   | 172.612  | 195.612   | 204.482  | 222.855   | 241.366  | 272.603   | 282.860  | 300.019   | 296.100  | 300.233   | 1.197.420 | 1.291.322 |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)           | 16.311   | 16.831    | 6.967    | 9.685     | 9.887    | 8.184     | 9.140    | 18.335    | 10.500   | 21.751    | 52.805    | 74.786    |
| 4   | Thuế TNDN (triệu đồng)                      | 3.262    | 3.422     | 1.393    | 1.375     | 1.493    | 1.652     | 1.817    | 2.725     | 2.100    | 3.939     | 10.065    | 13.113    |
| 5   | Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)             | 13.049   | 13.409    | 5.574    | 8.310     | 8.394    | 6.532     | 7.323    | 15.610    | 8.400    | 17.812    | 42.740    | 61.673    |
| 6   | Cổ tức (%)                                  | 1.929    | 1.986     | 0.880    | 1.295     | 1.298    | 0.980     | 1.157    | 2.466     | 1.334    | 2.798     | 6.598     | 9.525     |
| II  | Tỷ suất lợi nhuận                           |          |           |          |           |          |           |          |           |          |           |           |           |
| 1   | Tỷ suất LN/doanh thu                        |          |           |          |           |          |           |          |           |          |           |           |           |
| 1.1 | Tỷ suất LNNT/doanh thu                      | 8,63     | 7,92      | 3,29     | 4,16      | 3,94     | 2,91      | 3,13     | 5,76      | 3,42     | 6,76      | 4,22      | 5,47      |
| 1.2 | Tỷ suất LNST/doanh thu                      | 6,91     | 6,31      | 2,64     | 3,57      | 3,34     | 2,33      | 2,51     | 4,90      | 2,74     | 5,53      | 3,42      | 4,51      |
| 2   | Tỷ suất lợi nhuận/tổng tài sản              |          |           |          |           |          |           |          |           |          |           |           |           |
| 2.1 | Tỷ suất LNNT/tổng tài sản                   | 3,53     | 3,65      | 1,44     | 2,00      | 1,90     | 1,57      | 1,97     | 3,95      | 1,99     | 4,12      | 2,15      | 3,06      |
| 2.2 | Tỷ suất LNST/tổng tài sản                   | 2,83     | 2,90      | 1,15     | 1,71      | 1,61     | 1,25      | 1,58     | 3,37      | 1,59     | 3,37      | 1,74      | 2,52      |
| 3   | Tỷ suất LNST/vốn đầu tư của chủ sở hữu      | 5,25     | 5,39      | 2,24     | 3,34      | 3,37     | 2,63      | 2,94     | 6,27      | 3,38     | 7,16      | 3,44      | 4,96      |
| III | Nộp ngân sách nhà nước, số đã nộp (tỷ đồng) | 19,431   | 16,812    | 15,138   | 18,222    | 17,408   | 16,021    | 16,073   | 19,403    | 16,000   | 16,888    | 84,680    | 87,346    |

2.2. Về tổng tài sản và nguồn vốn:

| TT  | Chỉ tiêu                     | ĐVT        | Đến 31/12<br>Năm 2020 | Đến 31/12<br>Năm 2021 | Đến 31/12<br>Năm 2022 | Đến 31/12<br>Năm 2023 | Đến 31/12<br>Năm 2024 | Tăng/giảm |
|-----|------------------------------|------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------|
| I   | 2                            | 3          | 4                     | 5                     | 6                     | 7                     | 8                     | 9=8-4     |
| I   | Tổng tài sản                 | triệu đồng | 461.654               | 485.421               | 521.086               | 463.606               | 527.984               | 66.330    |
| 1   | Tài sản ngắn hạn             | triệu đồng | 101.623               | 108.100               | 135.290               | 152.798               | 194.974               | 93.351    |
| 2   | Tài sản dài hạn              | triệu đồng | 360.031               | 377.321               | 385.796               | 310.808               | 333.010               | -27.021   |
|     |                              |            |                       |                       |                       |                       |                       |           |
| II  | Tổng nguồn vốn               | triệu đồng | 461.654               | 485.421               | 521.086               | 463.606               | 527.984               | 66.330    |
| 1   | Nợ phải trả                  | triệu đồng | 79.360                | 96.065                | 128.617               | 127.536               | 184.099               | 104.739   |
| 2   | Vốn chủ sở hữu               | triệu đồng | 382.294               | 389.356               | 392.469               | 336.070               | 343.885               | -38.409   |
| 2.1 | Vốn đầu tư của chủ sở hữu    | triệu đồng | 248.783               | 248.783               | 248.783               | 248.783               | 248.783               | 0         |
| 2.2 | Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu | triệu đồng | 24.439                | 24.892                | 25.914                | 34.134                | 41.949                | 17.510    |
| 2.3 | Nguồn kinh phí và quỹ khác   | triệu đồng | 109.072               | 115.681               | 117.772               | 53.153                | 53.153                | -55.919   |



### III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

#### 1. Những việc làm được

##### a) Lĩnh vực sản xuất kinh doanh

- Sản lượng nước tiêu thụ tăng bình quân: 5,58 %/Năm.
- Doanh thu tiền nước tăng bình quân: 11,93%/Năm.
- Doanh thu lĩnh vực đô thị tăng bình quân: 6,02%/Năm.
- Doanh thu trọng lĩnh vực xây dựng đạt chỉ tiêu theo kế hoạch hằng năm.

##### b) Lĩnh vực tài chính

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu tăng bình quân: 9,37%/năm
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản tăng bình quân: 22,36%/năm.
- Nộp ngân sách nhà nước tăng bình quân: 1,11% /năm.

#### 2. Những hạn chế, tồn tại

Bên cạnh những mặt tích cực đã làm được nêu trên, trong nhiệm kỳ vừa qua, Công ty còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục trong nhiệm kỳ mới như sau:

- Tỷ lệ thất thoát nước cuối nhiệm kỳ so với đầu nhiệm kỳ tăng 2,14% (năm 2020 là 17,32%, đến năm 2024 tăng lên 19,46%).

- Công ty chưa có chiến lược căn cơ để chủ động giải quyết tốt nhu cầu về đầu tư phát triển dài hạn, nhất là về vốn; kế hoạch hàng năm còn bị động, mang tính chất chấp vá, tạm thời. Đội ngũ lãnh đạo quản lý Công ty và các đơn vị trực thuộc còn yếu, chưa đáp ứng tốt được yêu cầu nhiệm vụ và chưa xây dựng được đội ngũ lãnh đạo kế thừa. Lợi nhuận hàng năm tuy có tăng nhưng còn ở mức thấp nên cổ tức hàng năm chưa được cải thiện theo nguyện vọng của cổ đông. Trong quá trình quản lý điều hành còn để xảy ra một số sai sót trong việc thực hiện các quy định, quy chế của Công ty và pháp luật hiện hành, nhất là sau các đợt thanh tra kiểm tra bị phát hiện, phải khắc phục, xử lý.

- Vẫn còn một bộ phận không nhỏ CB NV-NLĐ vẫn còn chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, còn mang nặng tư tưởng ỷ lại, trông chờ và thụ động nên chưa phát huy được hết tinh thần trách nhiệm và năng lực của bản thân.

- Các phòng nghiệp vụ chưa thực hiện tốt vai trò tham mưu cho CT HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong giải quyết công việc liên quan đến chức năng nhiệm vụ của đơn vị mình phụ trách, còn trông chờ, chậm trễ và sai sót trong công tác, chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc.

- Tỷ lệ thất thoát của Công ty đang ở mức rất cao so với quy định, mức sử dụng hóa chất (PAC) còn tăng cao so với định mức, nợ phải thu các kỳ còn nhiều.

- Doanh thu thực hiện các công trình và dịch vụ đô thị công ích các địa phương thanh toán chậm, dẫn đến tổng công nợ của Công ty lớn. Công ty và các công ty thành viên chưa đưa ra được kế hoạch và giải pháp thu hồi công nợ nên việc xoay vòng đồng vốn của Công ty gặp nhiều khó khăn từ đó làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị.

## **Phần II**

### **ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NHIỆM KỲ IV (2025 – 2030)**

#### **I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH TRONG NHIỆM KỲ IV**

##### **1. Thuận lợi**

- Trong những năm tới, Công ty Tiếp tục nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của lãnh đạo tỉnh, sự phối hợp, hỗ trợ của các ban ngành địa phương và cổ đông của Công ty.

- Tập thể Ban lãnh đạo và CB-CNV LĐ đã thể hiện tinh thần đoàn kết và trách nhiệm cao trong công việc, công tác phối hợp tốt giữa các phòng nghiệp vụ của Công ty với các Công ty thành viên trong việc thực hiện công tác chuyên môn nghiệp vụ cũng như giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Nhờ đó tình hình hoạt động sản xuất của Công ty tiếp tục phát triển đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

##### **2. Khó khăn**

- Mặc dù trong nhiệm kỳ 2020 – 2025 công ty đã đầu tư rất nhiều kinh phí để nâng cấp các nhà máy, trạm cấp nước cũng như cải tạo, mở rộng MLCN nhưng hệ thống cấp nước trên địa bàn tỉnh chưa hoàn chỉnh và không đồng bộ, một số tuyến đường còn thiếu hoặc chưa nâng cấp ống truyền tải nên ảnh hưởng đến công tác phân phối, điều hoà áp lực, vùng phục vụ cấp nước còn chông chéo giữa đô thị và nông thôn gây khó khăn cho Công ty trong quá trình cấp nước. Mạng lưới cấp nước luôn bị ảnh hưởng do các đơn vị thi công nâng cấp, mở rộng đường, thi công công trình... tác động gây hư hại đến hệ thống cấp nước làm tăng tỷ lệ thất thoát. Ngoài ra việc trùng lấn vùng cấp nước như hiện nay giữa công ty và Công ty CP NS&VSMT nông thôn cũng gây ra rất nhiều khó khăn trong việc phát triển mạng lưới cung cấp nước cho người dân.

- Tình hình biến đổi khí hậu, hạn hán và xâm nhập mặn dự báo sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường ảnh hưởng việc sản xuất và cung cấp nước sạch của Công ty.

- Trong lĩnh vực đô thị ngày càng nhiều doanh nghiệp tư nhân cạnh tranh trực tiếp với Công ty trong khi đó nợ thuê bao đô thị tại một số địa phương vẫn còn ở mức khá cao và việc thu hồi sẽ rất khó khăn nên.



- Một yếu tố được dự báo sẽ gây ra rất nhiều khó khăn cho công ty trong nhiệm kỳ tới là việc tái cơ cấu các đơn vị quản lý nhà nước, đơn vị hành chính cấp tỉnh tỉnh và xã sẽ gây ra nhiều khó khăn trong công tác thu hồi công nợ cũng như nghiệm thu thanh quyết toán kinh phí TBĐT.

- Trong lĩnh vực XDCH: Do quy mô của công ty Cửu Long còn ở mức nhỏ nên thiếu năng lực để đấu thầu trực tiếp, nên đa số công trình do Công ty ký hợp đồng chỉ thực hiện với vai trò thầu phụ, ngoài ra sự cạnh tranh trong lĩnh vực xây dựng được dự báo sẽ ngày càng gay gắt hơn nữa, ngoài ra giá vật tư, nguyên vật liệu tăng cao và khan hiếm nên hiệu quả của lĩnh vực xây dựng cơ bản còn thấp

## II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Tiếp tục sử dụng đồng vốn của cổ đông có hiệu quả, bảo toàn và phát triển được vốn chủ sở hữu.

2. Nâng cao năng lực sản xuất, cung cấp nước sạch. Thực hiện “Cấp nước an toàn”.

3. Nâng cao năng lực cạnh tranh lành mạnh với các doanh nghiệp cùng hoạt động trong lĩnh vực vệ sinh, môi trường, đô thị và xây lắp... để tạo thêm việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng hiệu quả hoạt động của Công ty và mang lại lợi ích cho cổ đông.

4. Sắp xếp lại tổ chức bộ máy các đơn vị trực thuộc trên cơ sở giảm đầu mối, nâng cao hiệu quả hoạt động, kiện toàn đội ngũ lãnh đạo và nhân viên nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ trong tình hình mới.

5. Huy động nguồn lực tài chính khác để mở rộng đầu tư thêm các dự án như: năng lượng sạch, xử lý rác thải công nghiệp.

## III. CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

1. Sản lượng nước tiêu thụ tăng bình quân 6-7%/năm.

2. Phân đầu giảm tỷ lệ thất thoát đến năm cuối nhiệm kỳ còn dưới 14%/năm.

3. Doanh thu tiền nước tăng trưởng bình quân 10%/năm.

4. Doanh thu lĩnh vực đô thị tăng trưởng bình quân 7-9%/năm.

5. Doanh thu lĩnh vực xây dựng tăng trưởng bình quân 5-10%/năm

6. Lợi nhuận hàng năm tăng từ 8-10%/năm.

7. Tỷ suất cổ tức/vốn cổ phần trung bình hàng năm trong nhiệm kỳ đạt từ 2,5% trở lên.

## IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

### 1. Giải pháp về điều hành sản xuất, kinh doanh

- Tăng cường công tác quản lý vận hành tốt các nhà máy, trạm cấp nước. Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị đảm bảo hoạt động liên tục, có hiệu quả.

- Có những giải pháp và lộ trình cụ thể trong công tác chống thất thoát nước.

- Quản lý chất lượng nước đạt tiêu chuẩn của Bộ Y tế.

- Quản lý và vận hành khai thác tốt các giếng khoan phục vụ công tác ứng phó khi nước mặn xâm nhập.

- Thực hiện tốt dịch vụ chăm sóc khách hàng; cải tiến công tác ghi - thu tiền nước, giảm tỷ lệ tồn thu xuống mức thấp nhất.

- Tiếp tục đầu tư thêm trang thiết bị, máy móc chuyên dùng hiện đại phục vụ lĩnh vực vệ sinh môi trường, thay thế thiết bị, máy móc cũ kỹ lạc hậu có mức tiêu hao nhiên liệu, điện năng lớn để tiết kiệm chi phí sản xuất.

- Tiếp tục liên kết, phối hợp tốt với các nhà đầu tư để khai thác tốt công suất của các nhà máy nước liên doanh, phục vụ tốt nhất nhu cầu sử dụng nước sạch của khách hàng trên cơ sở mạnh dạn đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước, nâng cấp, thay thế các hệ thống đường ống cũ hư hỏng, xuống cấp, cải tạo công nghệ, ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất, cung cấp nước và quản lý khách hàng.

- Củng cố, kiện toàn bộ máy tổ chức của Công ty theo hướng tinh gọn; nâng cao năng lực quản lý, điều hành của đội ngũ lãnh đạo cấp trung và cấp cao, xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có năng lực, chuyên môn cao và nhiệt huyết trong công việc, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao, góp phần mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

- Chỉ đạo và giám sát cơ chế điều hành, việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, chiến lược của Ban Điều hành Công ty, quyết định đầu tư các dự án và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

### 2. Giải pháp về tài chính

- Quản trị chặt chẽ về tài sản và tiền vốn của doanh nghiệp.

- Kiểm soát nghiêm ngặt các dự án đầu tư, tránh lãng phí, không hiệu quả.

### 3. Giải pháp về tổ chức, nhân sự



- Tiếp tục thực hiện tốt công tác đào tạo, nâng cao trình độ cho lãnh đạo quản lý, người lao động. Công tác đào tạo được thực hiện theo kế hoạch hàng năm, ưu tiên cho công tác đào tạo tại chỗ. Chú trọng đào tạo bồi dưỡng và tuyển dụng đội ngũ lãnh đạo, công nhân viên có chuyên môn giỏi, có kinh nghiệm ở một số lĩnh vực quan trọng.

- Công ty xây dựng chế độ đãi ngộ phù hợp cho người lao động và có quan tâm hơn đối với người lao động có năng lực. Đồng thời xây dựng phong trào cho người lao động phấn đấu, học tập, rèn luyện để trở thành người lao động giỏi, có kinh nghiệm trong công việc được phân công.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ nhiệm kỳ III (2020 - 2025) và một số định hướng phát triển nhiệm kỳ IV (2025 - 2030) của HĐQT, kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét./.

Nơi nhận:

- HĐQT, Ban TGD;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Ban KS, cổ đông Công ty;
- Lưu: VT, nbn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Vũ Minh Đức







Hậu Giang, ngày 06 tháng 5 năm 2025

Số: 28/BC-HĐQT

**TÓM TẮT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2024  
SAU KIỂM TOÁN**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Hawasuco

**A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

| STT          | NỘI DUNG                            | ĐVT | 31/12/2024 | 31/12/2023 |
|--------------|-------------------------------------|-----|------------|------------|
| I            | TÀI SẢN                             |     |            |            |
| 1            | Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn | Trđ | 194.973    | 152.798    |
| 1.1          | Tiền và các khoản tương đương tiền  | Trđ | 18.189     | 26.095     |
| 1.2          | Các khoản đầu tư ngắn hạn           | Trđ | 8.248      | 6.200      |
| 1.3          | Các khoản phải thu                  | Trđ | 97.738     | 89.461     |
| 1.4          | Hàng tồn kho                        | Trđ | 62.540     | 27.066     |
| 1.5          | Tài sản ngắn hạn khác               | Trđ | 8.258      | 3.976      |
| 2            | Tài sản cố định và đầu tư dài hạn   | Trđ | 333.010    | 310.808    |
| 2.1          | Tài sản cố định                     | Trđ | 303.795    | 308.740    |
| 2.2          | Tài sản dở dang dài hạn             | Trđ | 28.299     | 64         |
| 2.3          | Đầu tư tài chính dài hạn            | Trđ |            |            |
| 2.4          | Tài sản dài hạn khác                | Trđ | 916        | 2.004      |
| TỔNG TÀI SẢN |                                     | Trđ | 527.983    | 463.606    |
| II           | NGUỒN VỐN                           |     |            |            |
| 1            | Các khoản nợ                        | Trđ | 184.098    | 127.537    |

|                       |                    |            |                |                |
|-----------------------|--------------------|------------|----------------|----------------|
| 1.1                   | Nợ ngắn hạn        | Trđ        | 156.264        | 116.444        |
| 1.2                   | Nợ dài hạn         | Trđ        | 27.834         | 11.093         |
| 1.3                   | Dự phòng nghiệp vụ | Trđ        |                |                |
| 2                     | Vốn chủ sở hữu     | Trđ        | 343.885        | 336.069        |
| 2.1                   | Vốn điều lệ        | Trđ        | 248.783        | 248.783        |
| 2.1                   | Vốn khác           | Trđ        | 95.102         | 87.286         |
| <b>TỔNG NGUỒN VỐN</b> |                    | <b>Trđ</b> | <b>527.983</b> | <b>463.606</b> |

## B. BÁO CÁO THU NHẬP

| STT | NỘI DUNG                                  | ĐVT | Năm 2024 | Năm 2023 |
|-----|-------------------------------------------|-----|----------|----------|
| 1   | <b>Tổng doanh thu</b>                     | trđ | 321.984  | 318.354  |
|     | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ    | trđ | 321.229  | 305.793  |
|     | Doanh thu từ hoạt động tài chính          | trđ | 347      | 376      |
|     | Thu nhập khác                             | trđ | 408      | 12.185   |
| 2   | <b>Tổng chi phí</b>                       | trđ | 300.233  | 300.019  |
|     | Giá vốn hàng bán                          | trđ | 229.696  | 222.237  |
|     | Chi phí hoạt động tài chính               | trđ | 4.132    | 3.067    |
|     | Chi phí bán hàng                          | trđ | 26.842   | 14.660   |
|     | Chi phí quản lý doanh nghiệp              | trđ | 38.642   | 46.193   |
|     | Chi phí khác                              | trđ | 921      | 13.862   |
| 3   | <b>Lợi nhuận trước thuế TNDN</b>          | trđ | 21.751   | 18.335   |
| 4   | <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b> | trđ | 3.939    | 2.725    |
| 5   | <b>Lợi ích/(chi phí) thuế TNDN</b>        | trđ |          |          |
| 6   | <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>            | trđ | 17.812   | 15.610   |

## C. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

| STT | NỘI DUNG       | ĐVT | Năm 2024 | Năm 2023 |
|-----|----------------|-----|----------|----------|
| 1   | Cơ cấu tài sản |     |          |          |



|     |                                                                                       |     |          |          |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|----------|
|     | Tài sản cố định/Tổng tài sản                                                          | %   | 57,54    | 66,60    |
|     | Tài sản lưu động/ Tổng tài sản                                                        | %   | 36,93    | 32,96    |
| 2   | Cơ cấu nguồn vốn                                                                      |     |          |          |
|     | Nợ/Tổng nguồn vốn                                                                     | %   | 34,87    | 27,51    |
|     | Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn                                                         | %   | 65,13    | 72,49    |
| STT | NỘI DUNG                                                                              | ĐVT | Năm 2024 | Năm 2023 |
| 3   | Chỉ số thanh khoản                                                                    |     |          |          |
|     | Tổng tài sản/Tổng nợ                                                                  | Lần | 2,87     | 3,64     |
|     | Tổng tài sản lưu động & đầu tư ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn                              | Lần | 1,06     | 1,31     |
|     | Tiền đầu tư ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn                                                 | Lần | 0,17     | 0,28     |
| 4   | Tỷ suất lợi nhuận                                                                     |     |          |          |
|     | Lợi nhuận trước thuế/(Doanh thu thuần +thu nhập từ hoạt động tài chính+thu nhập khác) | %   | 6,76     | 5,76     |
|     | Lợi nhuận sau thuế/(Doanh thu thuần+thu nhập từ hoạt động tài chính+thu nhập khác)    | %   | 5,53     | 4,90     |
|     | Lợi nhuận trước thuế/Tổng Tài sản                                                     | %   | 4,12     | 3,95     |
|     | Lợi nhuận sau thuế/Tổng Tài sản                                                       | %   | 3,37     | 3,37     |
|     | Lợi nhuận trước thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu                                             | %   | 6,33     | 5,46     |

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Vũ Minh Đức







Số: 29/BC-HĐQT

Hậu Giang, ngày 06 tháng 5 năm 2025

### BÁO CÁO

Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024,  
phương hướng hoạt động năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp thoát nước  
– Công trình đô thị Hậu Giang.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước – Công trình đô thị Hậu Giang báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024, phương hướng hoạt động năm 2025 với những nội dung chính, như sau:

#### I. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đến ngày 31/12/2024, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần CTN-CTĐT Hậu Giang nhiệm kỳ III (2020-2025) gồm 07 thành viên, cụ thể:

| Stt | Họ và tên        | Chức danh                                        | Tỷ lệ sở hữu cổ phần<br>có quyền biểu quyết                                                         |
|-----|------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Huỳnh Thông Minh | Chủ tịch HĐQT                                    | Sở hữu cá nhân: 0 cp (0%).<br>Đại diện vốn Công ty CP Đầu tư xây Miền Nam: 12.719.828 cp (51,128%). |
| 2   | Vũ Minh Đức      | Thành viên HĐQT                                  | Sở hữu cá nhân: 0 cp.<br>Đại diện vốn: 0 cp.                                                        |
| 3   | Bùi Trọng Lực    | Thành viên HĐQT,<br>Tổng Giám đốc                | Sở hữu cá nhân: 11.400 cp (0,046%).<br>Đại diện vốn NN: 8.990.251 cp (36,14%).                      |
| 4   | Quách Minh Hiền  | Thành viên HĐQT,<br>Phó Tổng Giám đốc            | Sở hữu cá nhân: 1.900 cp (0,008%).<br>Đại diện vốn NN: 1.267.856 cp (5,10%).                        |
| 5   | Cao Thế Khải     | Thành viên HĐQT,<br>Phó Tổng Giám đốc            | Sở hữu cá nhân: 35.400 cp (0,142%).<br>Đại diện vốn NN: 1.267.856 cp (5,10%).                       |
| 6   | Huỳnh Trung Tín  | Thành viên HĐQT,<br>Phó Tổng Giám đốc            | Sở hữu cá nhân: 10.000 cp (0,04%)<br>Đại diện vốn: 0 cp.                                            |
| 7   | Nguyễn Dũng Tiến | TV HĐQT, Chủ tịch<br>kiêm GD Công ty<br>Cửu Long | Sở hữu cá nhân: 100 cp (0,0004%)<br>Đại diện vốn: 0 cp.                                             |

## II. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY:

| TT | Cơ cấu cổ đông               | Số lượng cổ đông | Số cổ phần | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|----|------------------------------|------------------|------------|------------------|
| 1  | Cổ đông lớn và cổ đông nhỏ   | 171              | 24.878.291 | 100              |
|    | - Cổ đông lớn                | 2                | 24.245.791 | 97,46            |
|    | - Cổ đông nhỏ                | 169              | 632.500    | 2,54             |
| 2  | Cổ đông tổ chức và cá nhân   | 171              | 24.878.291 | 100              |
|    | - Cổ đông tổ chức            | 4                | 24.360.791 | 97,92            |
|    | - Cổ đông cá nhân            | 167              | 517.500    | 2,08             |
| 3  | Cổ công nhà nước và ngoài NN | 171              | 24.878.291 | 100              |
|    | - Cổ đông nhà nước           | 1                | 11.525.963 | 46,33            |
|    | - Cổ đông ngoài nhà nước     | 170              | 13.352.328 | 53,67            |

*Ghi chú: Số lượng cổ phần của cổ đông căn cứ vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty Cổ phần CTN-CTĐT Hậu Giang ngày 31/12/2024.*

## III. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

**1. Số lượng cuộc họp HĐQT và ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT:**

Năm 2024, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp thường kỳ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, trong các trường hợp cần thiết, HĐQT đã tổ chức các phiên họp bất thường để kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các cuộc họp của HĐQT đều được triệu tập và chuẩn bị tài liệu đầy đủ theo quy định, nội dung cuộc họp được các thành viên HĐQT thảo luận công khai, trao đổi thẳng thắn, đánh giá đầy đủ và cân trọng, các cuộc họp đều có sự tham dự của thành viên Ban Kiểm soát với tư cách là quan sát viên nhằm đảm bảo tính pháp lý và hiệu quả của cuộc họp. Các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT được xem xét và biểu quyết theo nguyên tắc “đa số” và được ban hành dưới hình thức văn bản (biên bản, nghị quyết, quyết định) và đều được thông báo đầy đủ, kịp thời theo quy định cho Ban điều hành và Ban Kiểm soát Công ty.

Trong năm, Hội đồng quản trị đã tổ chức 13 cuộc họp, ban hành 10 nghị quyết thuộc thẩm quyền của HĐQT.

**1.1. Tổng hợp ghi nhận sự tham dự họp của thành viên HĐQT như sau:**



| Stt | Thành viên HĐQT      | Chức vụ         | Số buổi tham dự họp | Tỷ lệ dự họp | Lý do không dự họp |
|-----|----------------------|-----------------|---------------------|--------------|--------------------|
| 01  | Ông Huỳnh Thông Minh | Chủ tịch HĐQT   | 13/13               | 100%         |                    |
| 02  | Ông Bùi Trọng Lực    | Thành viên HĐQT | 13/13               | 100%         |                    |
| 03  | Ông Quách Minh Hiền  | Thành viên HĐQT | 13/13               | 100%         |                    |
| 04  | Ông Vũ Minh Đức      | Thành viên HĐQT | 13/13               | 100%         |                    |
| 05  | Ông Cao Thế Khải     | Thành viên HĐQT | 13/13               | 100%         |                    |
| 06  | Ông Huỳnh Trung Tín  | Thành viên HĐQT | 13/13               | 100%         |                    |
| 07  | Ông Nguyễn Dũng Tiến | Thành viên HĐQT | 13/13               | 100%         |                    |

1.2. Tổng hợp các Biên bản, Nghị quyết của HĐQT năm 2024 (đính kèm Phụ lục 01).

#### IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

##### 1. Hoạt động của HĐQT:

HĐQT Công ty đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, triển khai thực hiện tốt các kế hoạch, chủ trương, định hướng của ĐHĐCĐ đề ra trên tinh thần trung thực, cẩn trọng, theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đảm bảo hoạt động của Công ty hiệu quả, ổn định và ngày càng phát triển.

HĐQT luôn tuân thủ các quy định về quản trị công ty, đảm bảo tính công khai, minh bạch trong việc tiếp cận các thông tin liên quan đến lợi ích hợp pháp của cổ đông và nhà đầu tư.

Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập kịp thời và thực hiện theo các trình tự đã được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Các vấn đề liên quan đến chiến lược, triển khai kế hoạch kinh doanh... đều được HĐQT thường xuyên xem xét và đánh giá trong các cuộc họp định kỳ, đặc biệt, trong năm 2024, mặc dù hoạt động SXKD của Công ty đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhưng HĐQT Công ty đã linh hoạt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện hoạt động của Công ty, đề ra những chiến lược, giải pháp tối ưu nhất nhằm tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi cao nhất cho cổ đông và nhà đầu tư.

Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi tình hình hoạt động của Công ty, kịp thời đưa ra định hướng và hỗ trợ Ban điều hành tổ chức, triển khai thực hiện tốt công tác sản xuất kinh doanh, kịp thời giải quyết tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động nhằm thực hiện hoàn thành tốt các các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

## **2. Kết quả giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Tổng Giám đốc và Ban điều hành Công ty:**

Tổng Giám đốc và Ban điều hành Công ty đã thực hiện tốt công tác chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với tinh thần cầu thị, nỗ lực và trách nhiệm cao; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; triển khai thực hiện kịp thời các nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết, quyết định của HĐQT, cũng như thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin minh bạch, đầy đủ, kịp thời theo quy định.

Mặt khác, Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực và linh hoạt trong công tác quản lý, điều hành trên các lĩnh vực hoạt động nhằm mang lại hiệu quả cao nhất, thực hiện tốt các chế độ về lương, thưởng và phúc lợi khác cho CB.CNV-LĐ, thực hiện nộp thuế, phí đầy đủ theo quy định.

Bên cạnh việc thực hiện tốt công tác sản xuất kinh doanh, Tổng Giám đốc và Ban điều hành Công ty còn quan tâm đến công tác an sinh xã hội, đã vận động và hỗ trợ quỹ vì người nghèo, quỹ phòng, chống thiên tai, hỗ trợ nhà mái âm công đoàn cho công đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn...

## **3. Công bố thông tin với Ủy ban Chứng khoán nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội:**

Công ty đã tuân thủ thực hiện đầy đủ đúng quy định công bố thông tin của công ty đại chúng theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Quy chế Công bố thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (CIMS).

HĐQT đã triển khai tổ chức thực hiện kịp thời việc hủy tư cách công ty đại chúng, hủy đăng ký giao dịch UPCOM và hủy đăng ký chứng khoán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) theo Nghị quyết số 29/NQ-ĐHĐCĐ được ĐHĐCĐ thông qua ngày ngày 28/5/2024, kết quả như sau:

- Công ty hủy tư cách công ty đại chúng từ ngày 28/5/2024;
- Công ty hủy đăng ký giao dịch UPCOM từ ngày 23/7/2024;
- Công ty hủy đăng ký chứng khoán đối với cổ phiếu Công ty tại VSDC từ ngày 13/8/2024.

## **V. THÙ LAO CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT, TIỀN LƯƠNG CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC VÀ CÁC GIAO DỊCH VỚI CỔ PHIẾU CÔNG TY:**

**1. Thù lao của từng thành viên HĐQT, tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác:**



Trong năm 2024, Công ty chi trả thù lao cho từng thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, chi trả lương cho Tổng Giám đốc và người quản lý khác theo đúng quy định, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng/năm.

| TT                              | Họ tên                                      | Chức vụ          | Tiền lương  | Thù lao     | Tổng thu nhập        |
|---------------------------------|---------------------------------------------|------------------|-------------|-------------|----------------------|
| I.                              | <b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b> |                  |             |             |                      |
| 1                               | Huỳnh Thông Minh                            | Chủ tịch HĐQT    |             | 600.000.000 | 600.000.000          |
| 2                               | Bùi Trọng Lực                               | TV HĐQT, TGD     | 456.000.000 | 84.324.000  | 540.324.000          |
| 3                               | Quách Minh Hiền                             | TV HĐQT, Phó TGD | 380.400.000 | 84.324.000  | 464.724.000          |
| 4                               | Cao Thế Khải                                | TV HĐQT, Phó TGD | 380.400.000 | 84.324.000  | 464.724.000          |
| 5                               | Huỳnh Trung Tín                             | TV HĐQT, Phó TGD | 126.800.000 | 84.324.000  | 211.124.000          |
| 6                               | Nguyễn Dũng Tiến                            | TV HĐQT          |             | 84.324.000  | 84.324.000           |
| 7                               | Vũ Minh Đức                                 | TV HĐQT          |             | 84.324.000  | 84.324.000           |
| II                              | <b>BAN KIỂM SOÁT</b>                        |                  |             |             |                      |
| 1                               | Lý Thanh Quang                              | Trưởng ban       |             | 380.400.000 | 380.400.000          |
| 2                               | La Thụy Phiêng                              | Thành viên       |             | 75.564.000  | 75.564.000           |
| 3                               | Bùi Thị Thu Oanh                            | Thành viên       |             | 75.564.000  | 75.564.000           |
| III                             | <b>KẾ TOÁN TRƯỞNG</b>                       |                  |             |             |                      |
| 1                               | Trần Hồng Đăng                              | Kế toán trưởng   | 356.400.000 |             | 356.400.000          |
| IV                              | <b>THƯ KÝ CÔNG TY</b>                       |                  |             |             |                      |
| 1                               | Nguyễn Bá Nam                               | Thư ký Công ty   |             | 56.676.000  | 56.676.000           |
| <b>TỔNG CỘNG (I+II+III+IV):</b> |                                             |                  |             |             | <b>3.394.148.000</b> |

*Ghi chú:*

- Đối với tiền thưởng năm 2024: Căn cứ lợi nhuận sau thuế, sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định, Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định quỹ thưởng cho người quản lý, điều hành của Công ty, căn cứ quỹ thưởng do ĐHĐCĐ thông qua, Công ty sẽ phân phối cho các thành viên theo quy định.

- Về lợi ích khác: Ngoài tiền lương, thù lao, tiền thưởng, các thành viên HĐQT, ban điều hành và người quản lý Công ty được được trang bị dụng cụ, phương tiện để phục vụ công tác theo quy định của Công ty.

**2. Các giao dịch giữa thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban điều hành đối với cổ phiếu của Công ty:**

| TT | Người thực hiện giao dịch | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ                                           |                     | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ                                         |                     | Lý do tăng              |
|----|---------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------|
|    |                           | Số cổ phiếu                                                         | Tỷ lệ               | Số cổ phiếu                                                        | Tỷ lệ               |                         |
|    |                           | 1.302.256 cp                                                        | 5,23%               | 1.303.256 cp                                                       | 5,24%               |                         |
| 01 | Cao Thế Khải              | Sở hữu cá nhân:<br>34.400 cp.<br>Đại diện vốn NN:<br>1.267.856 cp). | 0,138%<br><br>5,10% | Sở hữu cá nhân:<br>35.400 cp.<br>Đại diện vốn NN:<br>1.267.856 cp. | 0,142%<br><br>5,10% | Mua<br>1.000<br>cổ phần |

## VII. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Dự báo năm 2025 tình hình kinh tế xã hội Việt Nam nói chung và tỉnh Hậu Giang nói riêng tiếp tục chuyển biến tích cực, có nhiều khởi sắc và phục hồi trên tất cả các lĩnh vực, tuy nhiên, Công ty vẫn sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức, rủi ro tiềm ẩn như: Các chi phí đầu vào của quá trình sản xuất tiếp tục tăng, biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước thô là những nguy cơ tiềm ẩn, tình trạng quá tải của các bãi rác ngày càng tăng, sự cạnh tranh trong lĩnh vực cung cấp nước sạch, dịch vụ đô thị trên địa bàn tỉnh ngày gay gắt... Trong bối cảnh đó, HĐQT xác định phương hướng hoạt động của Công ty năm 2025, như sau:

1. Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 do Đại hội đồng cổ đông giao.

2. Linh hoạt trong việc điều chỉnh chiến lược sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty phù hợp với tình hình thực tế trong quá trình hoạt động.

3. Tập trung thực hiện và ưu tiên đầu tư cho công tác chống thất thoát nước; quản lý, nâng cao chất lượng sản phẩm nước sinh hoạt cung cấp cho khách hàng luôn đảm bảo chất lượng nước theo tiêu chuẩn Bộ Y tế quy định.

4. Tập trung khai thác các dự án đã hoàn thành và đẩy mạnh các dự án đang đầu tư để sớm đưa vào khai thác, nâng cao hiệu quả đầu tư.

5. Nâng cao tỷ lệ thu hóa đơn tiền nước không dùng tiền mặt. Từng bước hiện đại hóa, tự động hóa trong sản xuất.

6. Đầu tư thêm trang thiết bị, máy móc chuyên dùng hiện đại phục vụ lĩnh vực vệ sinh môi trường; nâng công suất, thay thế thiết bị, máy móc cũ kỹ lạc hậu có mức tiêu hao nhiên liệu, điện năng lớn để tiết kiệm chi phí sản xuất.



7. Tiếp tục liên kết, phối hợp tốt với các nhà đầu tư để khai thác tốt công suất của các nhà máy nước liên doanh; vận hành, khai thác tốt hệ thống giếng khoan nước ngầm để chủ động về nguồn nước cung cấp khi có sự cố nước mặn xâm nhập, sự cố ô nhiễm nguồn nước nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu sử dụng nước sạch của khách hàng.

8. Tiếp tục củng cố, kiện toàn bộ máy tổ chức của Công ty, nâng cao năng lực quản lý, điều hành của đội ngũ lãnh đạo cấp trung và cấp cao, xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có năng lực, chuyên môn cao và nhiệt huyết trong công việc, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao.

9. Chỉ đạo và giám sát cơ chế điều hành, việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, chiến lược của Ban Điều hành Công ty và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, nttb

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Vũ Minh Đức





## Phụ lục 01

## Các biên bản, nghị quyết của HĐQT ban hành năm 2024

(Kèm theo Báo cáo số 29./BC-HĐQT ngày 05/5/2025 của HĐQT Công ty)

## 1. Nội dung và kết quả của các cuộc họp HĐQT:

| Stt | Cuộc họp ngày | Số thành viên dự | Nội dung họp                                                                                                                                                       |
|-----|---------------|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 01  | 16/01/2024    | 7/7              | V/v Thông qua kế hoạch tài chính năm 2024 của Công ty.                                                                                                             |
| 02  | 14/3/2024     | 7/7              | V/v thống nhất thời gian gia hạn tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2024.                                                                                     |
| 03  | 27/3/2024     | 7/7              | V/v lấy ý kiến xét xếp loại người đại diện vốn nhà nước năm 2023.                                                                                                  |
| 04  | 09/4/2025     | 7/7              | V/v thông qua văn kiện Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024                                                                                                       |
| 05  | 07/5/2024     | 7/7              | V/v thông qua Kế hoạch tài chính của Công ty năm 2024.                                                                                                             |
| 06  | 24/5/2024     | 7/7              | V/v thống nhất việc bảo đảm cho Công ty TNHH TV TM-DV-XD Cửu Long.                                                                                                 |
| 07  | 10/6/2024     | 7/7              | V/v thông qua quỹ lương thực năm 2023; kế hoạch quỹ lương năm 2024 của Công ty.                                                                                    |
| 08  | 10/6/2024     | 7/7              | V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2024.                                                                                                      |
| 09  | 21/6/2024     | 7/7              | V/v thông qua việc đầu tư Dự án Nâng cấp, cải tạo Nhà máy nước Vị Thanh và đầu tư tuyến ống cấp nước chuyển tải từ Nhà máy nước Vị Thanh về Nhà máy nước Tám Ngàn. |
| 10  | 31/7/2024     | 7/7              | V/v thông qua kế hoạch tài chính năm 2025 làm cơ sở cho người đại diện vốn nhà nước báo cáo Chủ sở hữu theo quy định.                                              |
| 11  | 27/8/2024     | 7/7              | V/v thông qua phương án tăng vốn tại Công ty.                                                                                                                      |
| 12  | 05/9/2024     | 7/7              | V/v vay vốn, bảo lãnh và ủy quyền ký các văn bản với các tổ chức tín dụng nhằm phục vụ hoạt động SXKD của Công ty.                                                 |
| 13  | 24/9/2024     | 7/7              | V/v thống nhất bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV TM-DV-XD Cửu Long.                                                                                                    |

## 2. Các nghị quyết của HĐQT ban hành:

| Stt | Số, ký hiệu Quyết định | Ngày ban hành | Nội dung                                                            | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------|---------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 01  | 04/NQ-HĐQT             | 15/3/2024     | V/v gia hạn thời gian tổ chức phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024. | 100%            |

|    |             |           |                                                                                                                                                     |      |
|----|-------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 02 | 08/NQ-HĐQT  | 09/4/2024 | V/v điều chỉnh thời gian gia hạn tổ chức phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.                                                                      | 100% |
| 03 | 11/NQ-HĐQT  | 07/5/2024 | V/v thông qua Kế hoạch tài chính của Công ty năm 2024.                                                                                              | 100% |
| 04 | 13B/NQ-HĐQT | 24/5/2024 | V/v bảo đảm cho Công ty TNHH TV TM-DV-XD Cửu Long.                                                                                                  | 100% |
| 05 | 31B/NQ-HĐQT | 10/6/2024 | V/v phê duyệt quỹ lương thực năm 2023; kế hoạch quỹ lương năm 2024 của Công ty.                                                                     | 100% |
| 06 | 32/NQ-HĐQT  | 11/6/2024 | V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2024.                                                                                       | 100% |
| 07 | 33/NQ-HĐQT  | 21/6/2024 | V/v đầu tư Dự án Nâng cấp, cải tạo Nhà máy nước Vị Thanh và đầu tư tuyến ống cấp nước chuyên tải từ Nhà máy nước Vị Thanh về Nhà máy nước Tám Ngàn. | 100% |
| 08 | 38/NQ-HĐQT  | 05/9/2024 | V/v vay vốn và ủy quyền ký các văn bản với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang.                            | 100% |
| 09 | 39/NQ-HĐQT  | 05/9/2024 | V/v vay vốn, bảo lãnh và ủy quyền ký các văn bản giao dịch với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang.                           | 100% |
| 10 | 41/NQ-HĐQT  | 24/9/2024 | V/v bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV TM-DV-XD Cửu Long.                                                                                                | 100% |

\*\*\*



**Danh sách người có liên quan của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước – Công trình đô thị Hậu Giang**  
**đến ngày 31/12/2024**

*(Kèm theo Báo cáo số 44/BC-HĐQT ngày 06/5/2025 của HĐQT Công ty CP CTN-CTĐT Hậu Giang)*

| Stt | Họ tên                                                    | Mối quan hệ/Chức vụ tại Công ty | Số ĐKKD/CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp                                                                         | Địa chỉ liên hệ                                                                             | Số cổ phần sở hữu (Cổ phần) | Tỷ lệ sở hữu CP (%) | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------|---------|
| A   | TỔ CHỨC                                                   |                                 |                                                                                                                  |                                                                                             |                             |                     |         |
| 1   | Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Miền Nam                     | Cổ đông lớn                     | Số ĐKKD: 6300048003; ngày cấp lần đầu 17/3/2008; thay đổi lần thứ 10 ngày 06/8/2020; nơi cấp: Sở KHĐT Hậu Giang. | Số 225, Hùng Vương, Kv 4, P. V, TP. Vị Thanh, Hậu Giang.                                    | 12.719.828                  | 51,128              |         |
| 2   | Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang                            | Cổ đông lớn.                    | Số ĐKSH 1122/QĐ-UBND ngày 06/7/2011 của UBND tỉnh Hậu Giang                                                      | Số 2, Hòa Bình, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang                                                | 11.525.963                  | 46,33               |         |
| 3   | Công ty TNHH MTV Thương mại – Dịch vụ - Xây dựng Cửu Long | Công ty con                     | Số ĐKKD: 300335784, ngày cấp: 20/10/2020; nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Hậu Giang.                                       | Đường Nguyễn Trung Trực, ấp Nhơn Thuận 1A, TT Một Ngàn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. | 0                           | 0                   |         |
| 4   | Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Hậu Giang              | Công ty con                     | Số ĐKKD: 6300349145, ngày cấp: 16/12/2021; nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Hậu Giang                                       | Số 3, đường Số 4, Cùm CN-TTCN, P.VII, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang                          | 0                           | 0                   |         |

|   |                                     |                         |                                                                            |                                                                |            |        |                                                  |
|---|-------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------|--------|--------------------------------------------------|
| 5 | Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang | Công ty con             | Số GDKD: 6300356590; ngày cấp: 19/12/2022; nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Hậu Giang | Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, P.V, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. | 0          | 0      |                                                  |
| B | CÁ NHÂN:                            |                         |                                                                            |                                                                |            |        |                                                  |
| I | Huỳnh Thông Minh                    | Chủ tịch HĐQT           | Số CCCD: 086078000010; ngày cấp: 14/8/2021; nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH.   | Số 45, Phạm Công Trứ, P.Cái Khế, Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ.      | 12.719.828 | 51,128 | Đại diện vốn Cty CP ĐTXL Miền Nam: 12.719.828 CP |
| 1 | Huỳnh Văn Lộc                       | Không                   | Số CCCD: 086059003955; ngày cấp: 21/9/2021 nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH.    | Tân Thuận, Tân Quới, Bình Tân, Vĩnh Long.                      | 0          | 0      | Cha                                              |
| 2 | Trần Thị Hiền                       | Không                   | Số CCCD: 086159009220; ngày cấp: 18/11/2021; nơi cấp: CCSQLHC về TTXH.     | Tân Thuận, Tân Quới, Bình Tân, Vĩnh Long.                      | 0          | 0      | Mẹ                                               |
| 3 | Võ Thị Việt                         | Không                   | Số CMND: 361644891; ngày cấp: 31/7/2014; nơi cấp: CA TP.Cần Thơ.           | P.Cái Khế, Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ.                            | 0          | 0      | Mẹ vợ                                            |
| 4 | Nguyễn Thị Hạnh                     | Không                   | Số CCCD: 092181007825; ngày cấp: 14/8/2021; nơi cấp: CCSQLHC về TTXH.      | P.Cái Khế, Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ.                            | 0          | 0      | Vợ                                               |
| 5 | Huỳnh Thị Thủy Dương                | Không                   | Còn nhỏ                                                                    |                                                                | 0          | 0      | Con                                              |
| 6 | Huỳnh Anh                           | Không                   | Còn nhỏ                                                                    |                                                                | 0          | 0      | Con                                              |
| 7 | Huỳnh Minh Thiện                    | Không                   | Còn nhỏ                                                                    |                                                                | 0          | 0      | Con                                              |
| 8 | Huỳnh Trí Thức                      | Phó GD Công ty Cửu Long | Số CCCD: 086080016224; ngày cấp: 31/12/2021; nơi cấp: CCSQLHC về TTXH      | P.An Bình, Q.Ninh Kiều, TP Cần Thơ.                            | 0          | 0      | Em                                               |
| 9 | Nguyễn Hồng Tươi                    | Không                   | Số CCCD: 092179001226; ngày cấp: 23/5/2019; nơi cấp: CCSQLHC về TTXH       | P.An Bình, Q.Ninh Kiều, TP Cần Thơ.                            |            |        | Em dâu                                           |



|    |                                       |                                                       |                                                                                                                              |                                                                |            |        |                                                                  |
|----|---------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------------------------------|
| 10 | Huỳnh Trung Tín                       | TV HĐQT,<br>Chủ tịch<br>kiêm GD<br>Cty Cấp<br>nước HG | Số CCCD: 086083013381;<br>ngày cấp: 11/3/2021; nơi cấp:<br>CCSQLHC về TTXH                                                   | KV 4, P.V, TP.Vị<br>Thanh, Hậu Giang.                          | 10.000     | 0,04   | Em<br>NCLQ của ông<br>Huỳnh Thông<br>Minh được nêu<br>tại Mục VI |
| 11 | Nguyễn Thị Tuyết                      | Không                                                 | Số CCCD: 086189003953;<br>ngày cấp: 17/06/2022; nơi<br>cấp: CCSQLHC về TTXH                                                  | KV 4, P.V, TP.Vị<br>Thanh, Hậu Giang.                          | 0          | 0      | Em dâu                                                           |
| 12 | Huỳnh Thanh Liêm                      | Không                                                 | Số CCCD: 086087009091;<br>ngày cấp: 9/8/2021; nơi cấp:<br>Cục CSQLHC về TTXH                                                 | Tân Thuận, Tân<br>Quới, Bình Tân, Vĩnh<br>Long.                | 0          | 0      | Em                                                               |
| 13 | Đặng Thị Phụng                        | Không                                                 | Số CCCD: 093182013715;<br>ngày cấp: 16/12/2021; nơi cấp:<br>CCSQLHC về TTXH                                                  | Tân Thuận, Tân<br>Quới, Bình Tân, Vĩnh<br>Long.                | 0          | 0      | Em dâu                                                           |
| 14 | Huỳnh Tiến Sĩ                         | Phó GD Cty<br>Cấp nước<br>Hậu Giang                   | Số CCCD: 086089006852;<br>ngày cấp: 12/8/2021; nơi cấp:<br>CCSQLHC về TTXH.                                                  | Tân Thuận, Tân<br>Quới, Bình Tân, Vĩnh<br>Long.                | 0          | 0      | Em                                                               |
| 15 | Nguyễn Thị Diệu.                      | Không                                                 | Số CCCD: 089199011172;<br>ngày cấp: 25/4/2022; nơi<br>cấp: CCSQLHC về TTXH.                                                  | Tân Thuận, Tân<br>Quới, Bình Tân, Vĩnh<br>Long.                | 0          | 0      | Em dâu                                                           |
| 16 | Huỳnh Thị Mỹ Tiên                     | Không                                                 | Số CCCD: 086189003953;<br>ngày cấp: 12/4/2022; nơi cấp:<br>CCSQLHC về TTXH.                                                  | Phường Hòa 3, Hưng<br>Phú, Mỹ Tú, Sóc<br>Trăng.                | 0          | 0      | Em                                                               |
| 17 | Trần Thiện Khả                        | Không                                                 | Số CCCD: 094089015535;<br>ngày cấp: 13/12/2022; nơi<br>cấp: Cục CSQLHC về TTXH                                               | Phường Hòa 3, Hưng<br>Phú, Mỹ Tú, Sóc<br>Trăng.                | 0          | 0      | Em rể                                                            |
| 18 | Công ty CP Đầu tư xây lắp<br>Miền Nam | Cổ đông lớn                                           | Số ĐKKD: 6300048003;<br>ngày cấp lần đầu 17/3/2008;<br>thay đổi lần thứ 10 ngày<br>06/8/2020; nơi cấp:<br>Sở KHĐT Hậu Giang. | Số 225, Hùng Vương,<br>Kv4, P.V, TP.Vị<br>Thanh,<br>Hậu Giang. | 12.719.828 | 51,128 | Ông Huỳnh Thông<br>Minh giữ chức vụ<br>Chủ tịch HĐQT             |

|    |                                                |                                         |                                                                                       |                                                                                         |           |       |                                                                          |
|----|------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------|--------------------------------------------------------------------------|
| 19 | Công ty TNHH BOT ĐT 741<br>Bàu Tru - Đồng Xoài | Không                                   | Số ĐKKD: 3801214584;<br>ngày cấp: 09/12/2019; nơi<br>cấp: Sở KHĐT tỉnh Bình<br>Phước. | ĐT741, xã Tân Lập,<br>huyện Đồng Phú, tỉnh<br>Bình Phước                                | 0         | 0     | Ông Huỳnh Thông<br>Mình giữ chức vụ<br>Chủ tịch HĐQT<br>kiêm GD          |
| 20 | Công ty TNHH MTV Cấp<br>nước Ngã Bảy           | Không                                   | Số ĐKKD: 6300320668;<br>ngày cấp: 19/9/2019; nơi<br>cấp: Sở KHĐT tỉnh Hậu<br>Giang    | KV6, P. Ngã Bảy,<br>TP. Ngã Bảy, tỉnh<br>Hậu Giang                                      | 0         | 0     | Bà Nguyễn Thị<br>Hạnh là Giám đốc                                        |
| II | Bùi Trọng Lực                                  | Thành viên<br>HĐQT,<br>Tổng Giám<br>đốc | Số CCCD: 037075001000;<br>ngày cấp: 25/7/2022; nơi<br>cấp: Cục CSQLHC về<br>TTXH      | CC9, đường số 13,<br>Khu ĐTM Hưng<br>Phú, P. Hưng Thạnh,<br>Q. Cái Răng, TP.<br>Cần Thơ | 9.001.651 | 36,18 | Cá nhân: 11.400<br>CP; đại diện vốn<br>của UBND tỉnh<br>HG: 8.990.251 CP |
| 1  | Bùi Minh Độ                                    | Không                                   | Số CCCD: 037046003839;<br>ngày cấp: 20/05/2023; nơi<br>cấp: Cục CSQLHC về TTXH        | Số 43, KDC 586, P.<br>Phú Thứ, Q. Cái Răng,<br>TP Cần Thơ                               | 0         | 0     | Cha                                                                      |
| 2  | Nguyễn Thị Phúc                                | Không                                   | Số CCCD: 037148001260;<br>ngày cấp: 18/05/2023; nơi<br>cấp: Cục CSQLHC về TTXH        | Số 43, KDC 586, P.<br>Phú Thứ, Q. Cái Răng,<br>TP Cần Thơ                               | 0         | 0     | Mẹ                                                                       |
| 3  | Trương Thành Tài                               | Không                                   | Số CCCD: 096050005842;<br>ngày cấp: 08/12/2021; nơi<br>cấp: Cục CSQLHC về TTXH        | Xã Lương Thế Trân,<br>H.Cái Nước, T.Cà<br>Mau                                           | 0         | 0     | Cha vợ                                                                   |
| 4  | Nguyễn Kinh Thi                                | Không                                   | Số CCCD: 096152005049;<br>ngày cấp: 08/12/2021; nơi<br>cấp: Cục CSQLHC về TTXH        | Xã Lương Thế Trân,<br>H.Cái Nước, T.Cà<br>Mau                                           | 0         | 0     | Mẹ vợ                                                                    |
| 3  | Lê Thế Lương Tâm                               | Không                                   | Số CCCD: 092178006471;<br>ngày cấp: 25/07/2022; nơi<br>cấp: CCSQLHC về TTXH           | CC9, đường số 13,<br>Khu ĐTM Hưng Phú,<br>P.Hưng Thạnh, Q.Cái<br>Răng, TP.Cần Thơ       | 0         | 0     | Vợ                                                                       |
| 4  | Bùi Lương Hải Hà                               | Không                                   | Số CCCD: 092303001730;<br>ngày cấp: 26/07/2022; nơi<br>cấp: CCSQLHC về TTXH           |                                                                                         | 0         | 0     | Con                                                                      |
| 5  | Bùi Lương Tú Anh                               | Không                                   | Số CCCD: 092306000139;                                                                |                                                                                         | 0         | 0     | Con                                                                      |



|     |                        |  |                                |                                                                                                                                      |                                                                             |            |       |   |                                                                           |
|-----|------------------------|--|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|------------|-------|---|---------------------------------------------------------------------------|
| 6   | Bùi Minh Định          |  | Phó GD<br>Công ty<br>Cửu Long  | ngày cấp: 26/07/2022; nơi<br>cấp: CCSQLHC về TTXH<br><br>Số CCCD: 037071002773;<br>ngày cấp: 18/05/2023; nơi<br>cấp: CCSQLHC về TTXH | Số 43, đường 49, Khu<br>DC 586, P. Phú Thứ,<br>Q. Cái Răng, TP. Cần<br>Thơ  | 0          | 0     | 0 | Ảnh                                                                       |
| 7   | Bùi Văn Sĩ             |  | Nhân viên                      | Số CCCD: 037079003425;<br>ngày cấp: 18/05/2023; nơi<br>cấp: CCSQLHC về TTXH                                                          | Số 43, đường 49, Khu<br>DC 586, P. Phú Thứ,<br>Q. Cái Răng, TP. Cần<br>Thơ  | 0          | 0     | 0 | Em                                                                        |
| 8   | Bùi Thị Minh Thoa      |  | Không                          | Số CCCD: 037180000894;<br>ngày cấp: 08/09/2021; nơi<br>cấp: CCSQLHC về TTXH                                                          | Số 43, đường 49, Khu<br>DC 586, P. Phú Thứ,<br>Q. Cái Răng, TP. Cần<br>Thơ  | 0          | 0     | 0 | Em                                                                        |
| 9   | UBND tỉnh Hậu Giang    |  | Cổ đông lớn                    | Số ĐKSH 1122/QĐ-<br>UBND ngày 06/7/2011 của<br>UBND tỉnh Hậu Giang                                                                   | Số 2, Hòa Bình, TP.<br>Vị Thanh, tỉnh Hậu<br>Giang                          | 11.525.963 | 46,33 |   | Ông Bùi trọng<br>Lực đại diện vốn<br>của UBND tỉnh<br>HG: 8.990.251<br>CP |
| III | Quách Minh Hiền        |  | Thành viên<br>HĐQT,<br>Phó TGĐ | Số CCCD: 093072005369;<br>ngày cấp: 08/12/2021; nơi<br>cấp: Cục CS QLHC về<br>TTXH                                                   | Số 123A, Nguyễn<br>Minh Quang, P. Ngã<br>Bảy, TP Ngã Bảy,<br>tỉnh Hậu Giang | 1.269.756  | 5,104 |   | Cá nhân:<br>1.900 CP.<br>Đại diện<br>vốn UBND HG:<br>1.267.856 CP         |
| 1   | Nguyễn Thị Tư          |  | Không                          | Số CCCD: 092169004895;<br>ngày cấp: 07/7/2023; nơi<br>cấp: CCSQLHC về TTXH                                                           | P. An Nghiệp Q. Ninh<br>Kiều, TP. Cần Thơ                                   | 0          | 0     | 0 | Mẹ vợ                                                                     |
| 2   | Trần Thị Phương Lan    |  | Nhân viên                      | Số CCCD: 09317002287;<br>ngày cấp: 26/6/2021; nơi<br>cấp: CCSQLHC về TTXH.                                                           | P. Ngã Bảy, TP. Ngã<br>Bảy, tỉnh Hậu Giang                                  | 700 CP     | 0,003 |   | Vợ                                                                        |
| 3   | Quách Đường Bửu Nguyễn |  | Công nhân                      | Số CCCD: 09309408029;                                                                                                                | P. Ngã Bảy, TP. Ngã                                                         | 0          | 0     | 0 | Con                                                                       |

|    |                     |                 |  |                                                                                  |                                                                  |            |       |                                                                             |
|----|---------------------|-----------------|--|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------|-------|-----------------------------------------------------------------------------|
|    |                     |                 |  | ngày cấp: 28/6/2021; nơi cấp: CCSQLHC về TTXH.                                   | Bảy, tỉnh Hậu Giang                                              |            |       |                                                                             |
| 4  | Quách Mai Chi       | Không           |  | Số CCCD: 094158007771; ngày cấp: 09/08/2021; nơi cấp: CCSQLHC về TTXH            | TT Châu Thành, Châu Thành, Sóc Trăng                             | 0          | 0     | Chị                                                                         |
| 5  | Quách Minh Châu     | Không           |  | Số CMND: 361087310; ngày cấp: 09/5/2011; nơi cấp: CA TP.Cần Thơ.                 | TP.Cần Thơ                                                       | 0          | 0     | Anh                                                                         |
| 6  | Quách Minh Trí      | Công nhân       |  | Số CMND: 365246470; ngày cấp: 31/3/2015; nơi cấp: CA Hậu Giang.                  | Châu Thành, Sóc Trăng                                            | 100        |       | Anh                                                                         |
| 7  | UBND tỉnh Hậu Giang | Cổ đông lớn     |  | Số ĐKSH 1122/QĐ-UBND ngày 06/7/2011 của UBND tỉnh Hậu Giang                      | Số 2, Hòa Bình, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang                     | 11.525.963 | 46,33 | Ông Quách Minh<br>Hiện đại diện vốn<br>của UBND tỉnh<br>HG: 1.267.856<br>CP |
| IV | Vũ Minh Đức         | Thành viên HĐQT |  | Số CCCD: 015079000098; ngày cấp: 26/11/2019; nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH. | Số 8/26, Nguyễn Đình Chiểu, P. An Hội, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ | 0          | 0     |                                                                             |
| 1  | Vũ Khắc Hòe         | Không           |  | Số CCCD: 092057000523; ngày cấp: 25/4/2021; nơi cấp: CCSQLHC về TTXH.            | Áp An Lợi, Thạnh Phú, Cờ Đỏ, TP Cần Thơ                          | 0          | 0     | Cha                                                                         |
| 2  | Phan Thị Thạch      | Không           |  | Số CMND: 362486761; ngày cấp: 27/10/2010; nơi cấp: CA TP. Cần Thơ.               | Áp An Lợi, Thạnh Phú, Cờ Đỏ, TP Cần Thơ                          | 0          | 0     | Mẹ                                                                          |
| 3  | Nguyễn Văn Bon      | Không           |  | Số CCCD: 094056009519; ngày cấp: 03/7/2023; nơi cấp: CCSQLHC về TTXH             | 187/1 Hòa Lộc 1, Xuân Hòa, Kế Sách, Sóc Trăng                    | 0          | 0     | Cha vợ                                                                      |
| 4  | Phạm Thị Thanh Mai  | Không           |  | Số CCCD: 094159001745; ngày cấp: 31/05/2023; nơi                                 | 187/1 Hòa Lộc 1, Xuân Hòa, Kế Sách, Sóc                          | 0          | 0     | Mẹ vợ                                                                       |



|    |                                    |             |  | cấp: CCSQLHC về TTXH                                                                                   | Trăng.                                                                  |            |        |                                 |
|----|------------------------------------|-------------|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------|--------|---------------------------------|
| 5  | Nguyễn Thị Mộng Kiều               | Không       |  | Số CCCD: 094184000141; ngày cấp: 29/12/2016; nơi cấp: Cục CSDKQL CT và DLQG về DC.                     | Số 8/26, đường Nguyễn Đình Chiểu, P. An Hội, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ. | 0          | 0      | Vợ                              |
| 6  | Vũ Hoàng Việt                      | Không       |  | Còn nhỏ                                                                                                |                                                                         | 0          | 0      | Con                             |
| 7  | Vũ Minh Triết                      | Không       |  | Còn nhỏ                                                                                                |                                                                         | 0          | 0      | Con                             |
| 8  | Vũ Nguyễn Thảo Nhi                 | Không       |  | Còn nhỏ                                                                                                |                                                                         | 0          | 0      | Con                             |
| 9  | Vũ Mạnh Đoàn                       | Không       |  | Số CMND: 363928495; ngày cấp: 02/6/2016; nơi cấp: CA Hậu Giang.                                        | KV4, P.V, TP Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang                                   | 0          | 0      | Em                              |
| 10 | Lai Mỹ Út                          | Không       |  | Số CCCD: 0911820013764; ngày cấp: 09/8/2021; nơi cấp: CCSQLHC về TTXH                                  | KV4, PV, TP Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang                                    | 0          | 0      | Em dâu                          |
| 11 | Vũ Trung Kiên                      | Không       |  | Số CCCD: 092085005492; ngày cấp: 20/6/2018; nơi cấp: Cục CSDKQL cư trú và DLQG về DC.                  | Áp An Lợi, Thanh Phú, Cờ Đỏ, TP Cần Thơ                                 | 0          | 0      | Em                              |
| 12 | Đặng Thị Tuyết Kha                 | Không       |  | Số CCCD: 092595009070; ngày cấp: 22/11/2021; nơi cấp: CCSQLHC về TTXH                                  | Áp An Lợi, Thanh Phú, Cờ Đỏ, TP Cần Thơ                                 | 0          | 0      | Em dâu                          |
| 13 | Vũ Trường Giang                    | Không       |  | Số CCCD: 015089000081; ngày cấp: 29/12/2016; nơi cấp: Cục CSDKQL cư trú và DLQG về DC                  | Xã An Phú Tân, Cầu Kè, Trà Vinh                                         | 0          | 0      | Em                              |
| 14 | Phan Thị Xuân Tiến                 | Không       |  | Số CMND: 334761540; ngày cấp: 22/4/2011; nơi cấp: CA Trà Vinh.                                         | Xã An Phú Tân, Cầu Kè, Trà Vinh.                                        | 0          | 0      | Em dâu                          |
| 15 | Công ty CP Đầu tư xây lắp Miền Nam | Cổ đông lớn |  | Số GĐKKD: 6300048003; ngày cấp lần đầu 17/3/2008; thay đổi lần thứ 10 ngày 06/8/2020; nơi cấp: Sở KHĐT | Số 154, đường 3/2, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.              | 12.719.828 | 51,128 | Ông Vũ Minh Đức giữ chức vụ TGD |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|



|    |                                                 |             |                                                                                                                                |                                                                       |            |       |                                                              |
|----|-------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------|-------|--------------------------------------------------------------|
| 8  | Cao Mỹ Kim                                      | Không       | Còn nhỏ                                                                                                                        |                                                                       | 0          | 0     | Con                                                          |
| 9  | Cao Thị Mỹ Diệu                                 | Không       | Số CCCD: 093172000854;<br>ngày cấp: 17/04/2021; nơi<br>cấp: CCSQLHC về TTXH                                                    | Xã Vị Tân, TP. Vị<br>Thanh, tỉnh Hậu<br>Giang                         | 0          | 0     | Chị                                                          |
| 10 | Nguyễn Thái Sĩ                                  | Không       | Số CCCD: 093070000723;<br>ngày cấp: 17/04/2021; nơi<br>cấp: CCSQLHC về TTXH                                                    | Xã Vị Tân, tp Vị<br>Thanh, Hậu Giang                                  | 0          | 0     | Anh rể                                                       |
| 11 | Cao Đăng Khoa                                   | Không       | Số CCCD: 093074003104;<br>ngày cấp: 15/11/2021; nơi<br>cấp: CCSQLHC về TTXH                                                    | 73/3 Lâm Quang Ky,<br>P. Vĩnh Bảo, TP. Rạch<br>Giá, tỉnh Kiên Giang   | 0          | 0     | Anh                                                          |
| 12 | Trà Ngọc Trân                                   | Không       | Số CCCD: 091176005305;<br>ngày cấp: 22/11/2021; nơi<br>cấp: CCSQLHC về TTXH                                                    | 73/3 Lâm Quang Ky,<br>P. Vĩnh Bảo, TP. Rạch<br>Giá, tỉnh Kiên Giang   | 0          | 0     | Chị dâu                                                      |
| 13 | Cao Thị Tuyết Nhung                             | Không       | Số CCCD: 093179003100;<br>ngày cấp: 05/10/2021; nơi<br>cấp: CCSQLHC về TTXH                                                    | KV6, Phường III, Tp<br>Vị Thanh, Hậu Giang                            | 0          | 0     | Em                                                           |
| 14 | Nguyễn Văn Linh                                 | Không       | Số CCCD: 0930770000086;<br>ngày cấp: 27/10/2022; nơi<br>cấp: CCSQLHC về TTXH                                                   | P. Bùi Hữu Nghĩa,<br>Q. Bình Thủy,<br>TP. Cần Thơ                     | 0          | 0     | Em Rể                                                        |
| 15 | Công ty TNHH MTV Công<br>trình đô thị Hậu Giang | Công ty con | Số ĐKKD: 6300349145;<br>ngày cấp: 16/12/2021; nơi<br>cấp: Sở KHĐT tỉnh Hậu<br>Giang.                                           | Số 3, đường số 4,<br>CCN-TTCN, P. VII,<br>TP. Vị Thanh,<br>Hậu Giang. |            |       | Ông Cao Thế<br>Khải giữ chức<br>vụ Chủ tịch kiêm<br>Giám đốc |
| 16 | Công ty TNHH MTV Mỹ<br>Kim                      | Không       | Số ĐKKD: 6300332896;<br>ngày cấp lần đầu 18/08/2020;<br>thay đổi lần 1 ngày<br>22/03/2023; nơi cấp: Sở<br>KHĐT tỉnh Hậu Giang. | Ấp 1, xã Vị Tân, TP.<br>Vị Thanh, tỉnh Hậu<br>Giang                   | 0          | 0     | Ông Cao Thế<br>Khải giữ chức<br>vụ Giám đốc                  |
| 7  | UBND tỉnh Hậu Giang                             | Cổ đông lớn | Số ĐKSH 1122/QĐ-<br>UBND ngày 06/7/2011 của                                                                                    | Số 2, Hòa Bình, TP.<br>Vị Thanh, tỉnh Hậu                             | 11.525.963 | 46,33 | Ông Cao Thế<br>Khải đại diện vốn                             |

|    |                       |  | Thành viên<br>HĐQT | UBND tỉnh Hậu Giang                                                              | Giang                                                                      |            |        |   | của UBND tỉnh<br>HG: 1.267.856<br>CP                                                        |
|----|-----------------------|--|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|------------|--------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------|
| VI | Huỳnh Trung Tín       |  | Thành viên<br>HĐQT | Số CCCD: 086083013381;<br>ngày cấp: 11/3/2021;<br>nơi cấp: Cục CSQLHC<br>về TTXH | Số 35, Triệu Quang<br>Phục, KV 4, P.V,<br>TP. Vị Thanh, tỉnh<br>Hậu Giang. | 10.000     | 0,04   |   |                                                                                             |
| 1  | Huỳnh Văn Lộc         |  | Không              | Số CCCD: 086059003955; ngày<br>cấp: 21/9/2021; nơi cấp:<br>CCSQLHC về TTXH.      | Tân Thuận,<br>Tân Quới, Bình Tân,<br>Vĩnh Long                             | 0          | 0      | 0 | Cha                                                                                         |
| 2  | Trần Thị Hiền         |  | Không              | Số CCCD: 086159009220; ngày<br>cấp: 18/11/2021; nơi cấp:<br>CCSQLHC về TTXH.     | Tân Thuận, Tân<br>Quới, Bình Tân,<br>Vĩnh Long                             | 0          | 0      | 0 | Mẹ                                                                                          |
| 3  | Nguyễn Văn Đục        |  | Không              | Số CCCD: 092062005459;<br>ngày cấp: 13/08/2021; nơi<br>cấp: CCSQLHC về TTXH      | Phước Thới, Ô Môn,<br>TP. Cần Thơ                                          | 0          | 0      | 0 | Cha vợ                                                                                      |
| 4  | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh    |  | Không              | Số CCCD: 092158005597;<br>ngày cấp: 13/08/2021; nơi<br>cấp: CCSQLHC về TTXH      | Phước Thới, Ô Môn,<br>TP. Cần Thơ                                          | 0          | 0      | 0 | Mẹ vợ                                                                                       |
| 5  | Nguyễn Thị Tuyết      |  | Không              | Số CCCD: 086189003953;<br>ngày cấp: 17/06/2022; nơi<br>cấp: CCSQLHC về TTXH      | Số 35, Triệu Quang<br>Phục, KV 4, P.V, TP.<br>Vị Thanh, tỉnh<br>Hậu Giang. | 0          | 0      | 0 | Vợ                                                                                          |
| 6  | Huỳnh Hoa Tuyết Nhung |  | Không              | Số CCCD: 086308003443;<br>ngày cấp: 04/08/2022; nơi<br>cấp: CCSQLHC về TTXH      |                                                                            | 0          | 0      | 0 | Con                                                                                         |
| 7  | Huỳnh Hữu Trí         |  | Không              | Còn nhỏ                                                                          |                                                                            | 0          | 0      | 0 | Con                                                                                         |
| 8  | Huỳnh Thông Minh      |  | Chủ tịch<br>HĐQT   | Số CCCD: 086078000010;<br>ngày cấp: 14/8/2021; nơi<br>cấp: CCSQLHC về TTXH       | P.Cái Khế, Q.Ninh<br>Kiều, TP.Cần Thơ.                                     | 12.719.828 | 51,128 |   | Anh<br>Đại diện vốn của<br>Cty Miền Nam<br>12.719.828 CP<br>NCLQ của ông<br>Huỳnh Trung Tín |



|    |                                        |                                            |                                                                               |                                                 |   |   | được nêu trên tại<br>Mục I |
|----|----------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---|---|----------------------------|
| 9  | Nguyễn Thị Hạnh                        | Không                                      | Số CCCD: 092181007825;<br>ngày cấp: 14/8/2021; nơi cấp:<br>CCSQLHC về TTXH.   | P.Cái Khế, Q.Ninh<br>Kiều, TP.Cần Thơ.          | 0 | 0 | Chị dâu                    |
| 10 | Huỳnh Trí Thức                         | Phó GD<br>Công ty<br>Cừ Long               | Số CCCD: 086080016224;<br>ngày cấp: 31/12/2021; nơi cấp:<br>CCSQLHC về TTXH.  | P.An Bình, Q.Ninh<br>Kiều, TP Cần Thơ           | 0 | 0 | Anh                        |
| 11 | Nguyễn Hồng Tươi                       | Không                                      | Số CCCD: 092179001226;<br>ngày cấp: 23/5/2019; nơi cấp:<br>CCSQLHC về TTXH    | P.An Bình, Q.Ninh<br>Kiều, TP. Cần Thơ          |   |   | Chị dâu                    |
| 12 | Huỳnh Thanh Liêm                       | Không                                      | Số CCCD: 086087009091; ngày<br>cấp: 09/8/2021; nơi cấp:<br>CCSQLHC về TTXH.   | Tân Thuận, Tân<br>Quới, Bình Tân, Vĩnh<br>Long  | 0 | 0 | Em                         |
| 13 | Đặng Thị Phụng                         | Không                                      | Số CCCD: 093182013715;<br>ngày cấp: 16/12/2021; nơi cấp:<br>CCSQLHC về TTXH.  | Tân Thuận, Tân<br>Quới, Bình Tân, Vĩnh<br>Long  | 0 | 0 | Em dâu                     |
| 14 | Huỳnh Tiến Sĩ                          | Phó GD<br>Công ty<br>Cấp nước<br>Hậu Giang | Số CCCD: 08608900685; ngày<br>cấp: 12/8/2021; nơi cấp: Cục<br>CSQLHC về TTXH. | Tân Thuận, Tân<br>Quới, Bình Tân, Vĩnh<br>Long  | 0 | 0 | Em                         |
| 15 | Nguyễn Thị Diệu                        | Không                                      | Số CCCD: 089199011172;<br>ngày cấp: 25/4/2022; nơi<br>cấp: CCSQLHC về TTXH.   | Tân Thuận, Tân<br>Quới, Bình Tân, Vĩnh<br>Long  | 0 | 0 | Em dâu                     |
| 16 | Huỳnh Thị Mỹ Tiên                      | Không                                      | Số CCCD: 86189003953;<br>ngày cấp: 12/04/2022; nơi<br>cấp: Cục CSQLHC về TTXH | Phường Hòa 3, Hưng<br>Phú, Mỹ Tú, Sóc<br>Trăng. | 0 | 0 | Em                         |
| 17 | Trần Thiện Khả                         | Không                                      | Số CCCD: 094089015535;<br>ngày cấp: 13/12/2022; nơi<br>cấp: CCSQLHC về TTXH   | Phường Hòa 3, Hưng<br>Phú, Mỹ Tú, Sóc<br>Trăng. | 0 | 0 | Em rể                      |
| 18 | Công ty TNHH MTV Cấp<br>nước Hậu Giang | Công ty con                                | Số ĐKKD: 6300356590;<br>ngày cấp: 19/12/2022; nơi                             | Số 46A, đường Ngô<br>Quốc Trị, P.V, TP. Vị      | 0 | 0 | Ông Huỳnh<br>Trung Tín giữ |

|      |                                    |                      | cấp: Sở KHĐT Hậu Giang                                                                       | Thanh, tỉnh Hậu Giang.                                                                      |     |        | chức vụ Chủ tịch kiêm Giám đốc                    |
|------|------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----|--------|---------------------------------------------------|
| VII  | Nguyễn Dũng Tiến                   | TVHĐQT               | Số CCCD: 092086006016; ngày cấp: 26/04/2023; nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL CT và DLQG về dân cư | Số 36, Quảng Trọng Hoàng, P.Hung Lợi, Q.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ                              | 100 | 0,0004 |                                                   |
| 1    | Phan Thị Ngọc Hà                   | Không                | Số CCCD: 092167000356; ngày cấp: 07/3/2016; nơi cấp: CCSQLHC về TTXH.                        | Phường Hưng Thạnh, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ                                                 | 0   | 0      | Mẹ                                                |
| 2    | Huỳnh Thanh Tạo                    | Không                | Số CCCD: 093061000106; ngày cấp: 17/6/2020; nơi cấp: CCSQLHC về TTXH                         | Số 36 Quán Trọng Hoàng, P.Hung Lợi, Q. Ninh Kiều, TP Cần Thơ                                | 0   | 0      | Cha vợ                                            |
| 3    | Trần Hoài Nam                      | Không                | Số CCCD: 096165000056; ngày cấp: 12/8/2019; nơi cấp: CCSQLHC về TTXH                         |                                                                                             | 0   | 0      | Mẹ vợ                                             |
| 4    | Huỳnh Thanh Thảo                   | Không                | Số CMND: 362160616 ngày cấp: 17/3/2006; nơi cấp: CA TP Cần Thơ.                              | Số 36 Quán Trọng Hoàng, P. Hung Lợi, Q. Ninh Kiều, TP Cần Thơ                               | 0   | 0      | Vợ                                                |
| 5    | Nguyễn Trung Nguyên                | Không                | Còn nhỏ                                                                                      |                                                                                             | 0   | 0      | Con                                               |
| 6    | Công ty TNHH MTV TM-DV-XD Cửu Long | Công ty con          | Số ĐKKD: 300335784; ngày cấp: 20/10/2020; nơi cấp: Sở KHĐT Hậu Giang                         | Đường Nguyễn Trung Trục, ấp Nhon Thuận 1A, TT Một Ngàn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. | 0   | 0      | Ông Nguyễn Dũng Tiến giữ chức vụ Chủ tịch kiêm GD |
| VIII | Lý Thanh Quang                     | Trưởng ban Kiểm soát | Số CCCD: 092093012065; ngày cấp: 8/10/2021; nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH.                    | Xã Nhon Nghĩa A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang                                           | 0   | 0      |                                                   |
| 1    | Nguyễn Thị Ánh Hồng                | Không                | Số CCCD: 093163006022; ngày cấp: 08/4/2021; nơi cấp: CCSQLHC về TTXH                         | Nhon Nghĩa A, Châu Thành, Hậu Giang                                                         | 0   | 0      | Mẹ                                                |
| 2    | Lê Văn Thành                       | Không                | Số CMND: 351107980; ngày                                                                     | Xã Hòa An, huyện                                                                            | 0   | 0      | Cha vợ                                            |



|    |                    |                          |                                                                                    |                                                       |   |   |        |
|----|--------------------|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---|---|--------|
|    |                    |                          | cấp: 30/09/2016; nơi cấp: CA An Giang                                              | Chợ Mới, tỉnh An Giang                                |   |   |        |
| 3  | Phạm Thị Thúy      | Không                    | Số CMND: 351056309; ngày cấp: 10/02/2017; nơi cấp: CA An Giang.                    |                                                       | 0 | 0 | Mẹ vợ  |
| 4  | Lê Thị Bích Tuyền  | Không                    | Số CCCD: 089195012038; ngày cấp: 08/10/2021; nơi cấp: CCSQLHC về TTXH              | Xã Nhơn Nghĩa A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang     | 0 | 0 | Vợ     |
| 5  | Lý Thanh Phong     | Không                    | Còn nhỏ                                                                            |                                                       | 0 | 0 | Con    |
| 6  | Lý Thị Thu Quyên   | Không                    | Số CCCD: 093188000089; ngày cấp: 13/4/2016; nơi cấp: Cục CS ĐKQL CT và DLQG về DC. | P.Xuân Khánh<br>Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ               | 0 | 0 | Chị    |
| 7  | Nguyễn Văn Đức Hòa | Không                    | Số CCCD: 092088001208; ngày cấp: 13/4/2016; nơi cấp: Cục CS ĐKQL CT và DLQG về DC  | P.Xuân Khánh<br>Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ               | 0 | 0 | Anh rể |
| 8  | Lê Văn Đức         | Không                    | Số CMND: 352666488; ngày cấp: 23/02/2018; nơi cấp: CA An Giang.                    | Xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.              | 0 | 0 | Em vợ  |
| IX | La Thụy Phiông     | Thành viên Ban Kiểm soát | Số CCCD: 092179008419; ngày cấp: 11/3/2022; nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH            | KV Bình Yên A,<br>P.Long Hòa, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ | 0 | 0 |        |
| 1  | Dương Thị Kim Em   | Không                    | Số CCCD: 093152004388; ngày cấp: 01/09/2021; nơi cấp: CCSQLHC về TTXH              | P. Long Hòa, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ                  | 0 | 0 | Mẹ     |
| 2  | La Viên Hân        | Không                    | Số CCCD: 092177005034; ngày cấp: 25/04/2021; nơi cấp: CCSQLHC về TTXH              | Đường Cao Xuân Dục, P.12, Q.8, TP.HCM                 | 0 | 0 | Chị    |

|    |                     |                                |                                                                                          |                                                                          |       |       |          |
|----|---------------------|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------|-------|----------|
| 3  | La Dương Hùng       | Không                          | Số CCCD: 092081001014;<br>ngày cấp: 10/05/2021; nơi<br>cấp: CQLHC về TTXH.               | KV Bình Yên A,<br>P.Long Hòa, Q.Bình<br>Thủy, TP. Cần Thơ                | 0     | 0     | Em       |
| 4  | La Huyền Huyền      | Không                          | Số CCCD: 092185003097;<br>ngày cấp: 08/06/2022; nơi<br>cấp: CCS QLHC về TTXH             | KV Bình Yên A,<br>P.Long Hòa, Q.Bình<br>Thủy, TP.Cần Thơ                 | 0     | 0     | Em       |
| 5  | Phạm Phú Trọng      | Không                          | Số CCCD: 092209007448;<br>ngày cấp: 06/02/2024; nơi<br>cấp: CQLHC về TTXH.               | KV Bình Yên A,<br>P.Long Hòa, Q.Bình<br>Thủy, TP.Cần Thơ                 | 0     | 0     | Con      |
| X  | Bùi Thị Thu Oanh    | Thành viên<br>Ban Kiểm<br>soát | Số CCCD: 079171015755;<br>ngày cấp: 01/09/2021; nơi<br>cấp: Cục cảnh sát QLHC về<br>TTXH | I-21 đường số 13,<br>KDC 586, P. Phú<br>Thú, Q. Cái Răng,<br>TP. Cần Thơ | 0     | 0     |          |
| 1  | Bùi Thế Trung       | Không                          | Số CMND: 360013190; ngày<br>cấp: 04/12/2008; nơi cấp: CA<br>TP.Cần Thơ.                  | I-21 đường số 13,<br>KDC 586, P. Phú<br>Thú, Q. Cái Răng,<br>TP. Cần Thơ | 0     | 0     | Cha      |
| 2  | Nguyễn Thế Toàn     | Không                          | Số CCCD: 09209500955;<br>ngày cấp: 18/9/2022; nơi<br>cấp: CCSQLHC về TTXH                |                                                                          | 0     | 0     | Con      |
| 3  | Bùi Thế Trục        | Không                          | Số CMND: 361446341; ngày<br>cấp: 08/10/2008; nơi cấp: CA<br>Cần Thơ.                     | Số 8, Nguyễn Trãi,<br>quận Ninh Kiều, TP.<br>Cần Thơ                     | 0     | 0     | Em       |
| 4  | Nguyễn Thị Tuấn Nhã | Không                          | Số CMND: 362434090; ngày<br>cấp: 01/11/2017; nơi cấp: CA<br>Cần Thơ                      | Số 8 Nguyễn Trãi,<br>Q. Ninh Kiều,<br>TP. Cần Thơ                        | 0     | 0     | Em dâu   |
| 5  | Bùi Thế Tín         | Không                          | Số CCCD: 092075003456;<br>ngày cấp: 06/8/2019; nơi<br>cấp: Cục CSQLHC về TTXH            | Số 555 đường 30/4,<br>Q.Ninh Kiều, TP<br>Cần thơ                         | 0     | 0     | Em       |
| 6  | Phạm Thái Thụy Vi   | Không                          | số CMND: 361763590; cấp<br>ngày 01/11/2013; nơi cấp:<br>CA Cần Thơ                       | Số 555 đường 30/4,<br>Q.Ninh Kiều, TP<br>Cần Thơ                         | 0     | 0     | Em dâu   |
| XI | Trần Hồng Đăng      | Kế toán                        | Số CCCD: 033064003806;                                                                   | Số 1/61 Lê Văn Bì,                                                       | 1.800 | 0,007 | Cá nhân: |



|    |                      | trưởng | ngày cấp: 26/3/2020; nơi cấp:<br>Cục CSQLHC về TTXH                         | P.An Thới, Q.Bình<br>Thủy, TP.Cần Thơ        |   |   | 1.800 CP |
|----|----------------------|--------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|---|---|----------|
| 1  | Lê Văn Hiền          | Không  | Số CMND: 184053811; ngày<br>cấp: 02/7/2010; nơi cấp: CA<br>Hà Tĩnh          | Xã Hải Kỳ, huyện Kỳ<br>Anh, tỉnh Hà Tĩnh     | 0 | 0 | Cha vợ   |
| 2  | Dương Thị Thân       | Không  | Số CMND: 184056532; ngày<br>cấp: 03/7/2010; nơi cấp: CA<br>Hà Tĩnh          | Xã hải Kỳ, huyện Kỳ<br>Anh, tỉnh Hà Tĩnh     | 0 | 0 | Mẹ vợ    |
| 3  | Lê Thị Mỹ Thìn       | Không  | Số CCCD: 042176000491;<br>ngày cấp: 19/3/2020; nơi<br>cấp: CCSQLHC về TTXH  | P.An Thới, Q.Bình<br>Thủy, TP.Cần Thơ        | 0 | 0 | Vợ       |
| 4  | Trần Thị Hồng Phương | Không  | Số CCCD: 092304003249;<br>ngày cấp: 19/3/2020; nơi<br>cấp: CCSQLHC về TTXH. | P.An Thới, Q.Bình<br>Thủy, TP.Cần Thơ        | 0 | 0 | Con      |
| 5  | Trần Thị Yến Phương  | Không  | Số CCCD: 092308001138;<br>ngày cấp: 28/6/2022; nơi<br>cấp: CCSQLHC về TTXH. | P.An Thới, Q.Bình<br>Thủy, TP.Cần Thơ        | 0 | 0 | Con      |
| 6  | Trần Thị Nguyễn      | Không  | Số CCCD: 033159002246;<br>ngày cấp: 16/11/2018; nơi<br>cấp: CCSQLHC về TTXH | P.An Thới, Q.Bình<br>Thủy, TP.Cần Thơ        | 0 | 0 | Chị      |
| 7  | Trần Thị Vọng        | Không  | Số CMND: 145344587; ngày<br>cấp: 09/5/2005; nơi cấp:<br>CA Hưng Yên         | Xã Mễ Sở, huyện Văn<br>Giang, tỉnh Hưng Yên  | 0 | 0 | Chị      |
| 8  | Trần Hồng Tăng       | Không  | Số CMND: 365045101; ngày<br>cấp: 18/4/2009; nơi cấp:<br>CA Sóc Trăng        | Đường Lê Hồng<br>Phong, P.3, TP<br>Sóc Trăng | 0 | 0 | Em       |
| 9  | Trần Khắc Vũ         | Không  | Số CMND: 145023527; ngày<br>cấp: 05/4/2013; nơi cấp: CA<br>tỉnh Hưng Yên    | Xã Mễ Sở, huyện Văn<br>Giang, tỉnh Hưng Yên  | 0 | 0 | Em       |
| 10 | Trần Thị Ái          | Không  | Số CMND: 145611371; ngày<br>cấp: 17/4/2010; nơi cấp:<br>CA tỉnh Hưng Yên    | Xã Mễ Sở, huyện Văn<br>Giang, tỉnh Hưng Yên  | 0 | 0 | Em       |

|    |                   |       |                                                                       |                                                      |   |   |        |
|----|-------------------|-------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---|---|--------|
| 11 | Trần Thị Huyền    | Không | Số CMND: 362299650; ngày cấp: 01/12/2006; nơi cấp: CA TP.Cần Thơ      | CMT8, P.An Thới, Q.Bình Thủy, TP. Cần Thơ            | 0 | 0 | Em     |
| 12 | Nguyễn Hồng Phước | Không | Số CCCD: 092065002540; ngày cấp: 13/01/2020; nơi cấp: CCSQLHC về TTXH | Trần Quang Diệu, P.An Thới, Q.Bình Thủy, TP. Cần Thơ | 0 | 0 | Anh rể |
| 13 | Nguyễn Đông Hải   | Không | Số CCCD: 033057002441; ngày cấp: 31/10/2018; nơi cấp: CCSQLHC về TTXH | Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên             | 0 | 0 | Anh rể |
| 14 | Dương Văn Tháp    | Không | Số CMND: 145589033; ngày cấp: 28/9/2009; nơi cấp: CA Hưng Yên         | Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên             | 0 | 0 | Em rể  |
| 15 | Nguyễn Sỹ Phú     | Không | Số CMND: 362299649; ngày cấp: 01/12/2006; nơi cấp: CA TP.Cần Thơ      | Số 39/29, CMT8, P.An Thới, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ   | 0 | 0 | Em rể  |
| 16 | Nguyễn Thị Nhung  | Không | Số CMND: 365045565; ngày cấp: 19/6/2013; nơi cấp: CA Sóc Trăng        | Lê Hồng Phong, P.III, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  | 0 | 0 | Em dâu |
| 17 | Đào Thị Tiến      | Không | Số CMND: 145827297; ngày cấp: 05/4/2013; nơi cấp: CA Hưng Yên         | Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên             | 0 | 0 | Em dâu |

\*\*\*



Phụ lục 02  
Các giao dịch liên quan phát sinh năm 2024  
(kèm theo Báo cáo số 19../BC-HĐQT ngày 05/11/2025 của HĐQT CTCP CTN-CTĐT Hậu Giang)

1. Giao dịch giữa Hawasuco với công ty thành viên trực thuộc Hawasuco:

| STT | Tên tổ chức/<br>cá nhân                               | Mối<br>quan hệ<br>liên<br>quan<br>với công<br>ty | Địa chỉ<br>trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ                                                  | Thời<br>điểm<br>giao<br>dịch<br>với<br>công<br>ty | Số nghị quyết/<br>quyết định của<br>ĐHĐCĐ/HĐQT... thông<br>qua (nêu rõ ngày<br>ban hành)                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Nội dung, số lượng,<br>tổng giá trị giao dịch                                                                                                                                                                                                                                                           | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 01  | Công ty TNHH<br>MTV Công<br>trình đô thị Hậu<br>Giang | Công ty<br>con                                   | Số 3, đường số 4, cụm<br>CN-TTCN, Khu vực 4,<br>Phường VII, TP. Vị<br>Thanh, tỉnh Hậu Giang. | Năm<br>2024                                       | Các hợp đồng số:<br>01/2024/HĐGK ngày<br>25/12/2023; số:<br>02/2024/HĐGK ngày<br>26/12/2023; số:<br>03/2024/HĐGK ngày<br>28/12/2023; số:<br>04/2024/HĐGK ngày<br>29/12/2023; số:<br>05/2024/HĐGK ngày<br>29/12/2023; số:<br>06/2024/HĐGK ngày<br>29/12/2023; số:<br>07/2024/HĐGK ngày<br>29/12/2023; số:<br>08/2024/HĐGK ngày<br>29/12/2023 và số:<br>09/2024/HĐGK ngày<br>11/01/2024 | Về việc giao khoán thực hiện các dịch vụ<br>công ích công tác vệ sinh đô thị trên địa bàn<br>các huyện, thị, thành phố trong tỉnh; thực hiện<br>phương thức đặt hàng, cung ứng dịch vụ công<br>ích trên địa bàn các huyện, thị, thành phố trong<br>tỉnh năm 2024... với tổng giá trị 97,601 tỷ<br>đồng. |         |

|    |                                           |                |                                                                                         |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |  |
|----|-------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |                                           |                |                                                                                         |             | Các Hợp đồng cho CTTSCĐ<br>số : 02/2022/HĐCTTS ngày<br>30/06/2022; số<br>03/2022/HĐCTTS ngày<br>30/06/2022                                                                                                                                                                                                                                                | Về việc cho thuê tài sản cố định với tổng giá<br>trị 613 triệu đồng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |
| 02 | Công ty TNHH<br>MTV Cấp nước<br>Hậu Giang | Công ty<br>con | Số 46A, đường Ngõ<br>Quốc Trị, Khu vực 3,<br>Phường V, TP. Vị<br>Thanh, tỉnh Hậu Giang. | Năm<br>2024 | Hợp đồng số 02/HĐ-CTN-<br>CTĐT ngày 01/06/2023<br><br>Hợp đồng số 01/HĐ-CTN-<br>CTĐT ngày 01/10/2024<br><br>Hợp đồng mua bán số:<br>01/HĐMB-CTN-CTĐT ngày<br>29/10/2024<br><br>Các hợp đồng số: số<br>02/2024/HĐ-XD ngày<br>24/01/2024; số 03/2024/HĐ-<br>XD ngày 24/01/2024; số<br>04/2024/HĐ-XD ngày<br>16/02/2024; số 12/2024/HĐ-<br>XD ngày 11/6/2024 | Về việc cho công ty con thuê tài sản cố định<br>với giá trị 32,4 tỷ đồng.<br><br>Về việc cho công ty con thuê tài sản cố định<br>với giá trị 10,95 tỷ đồng.<br><br>Về việc mua bán vật tư chuyên ngành cấp<br>nước tồn kho với giá trị 4,652 tỷ đồng.<br><br>Thi công xây dựng 04 công trình: Mở rộng<br>mạng lưới cấp nước tại Thị Xã Long Mỹ và<br>thành phố Vị Thanh với tổng giá trị 658 triệu<br>đồng. |  |

2. Giao dịch giữa người có liên quan của Hawasuco với Hawasuco, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát:

| STT | Tên tổ<br>chức/cá<br>nhân | Mối quan hệ<br>liên quan<br>với công ty | Địa chỉ<br>trụ sở<br>chính/<br>Địa chỉ liên<br>hệ | Thời<br>điểm<br>giao<br>dịch<br>với<br>công ty<br>con | Số nghị quyết/quyết định của<br>ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua<br>(nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng,<br>tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|-----|---------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------|
|-----|---------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------|



|    |                                    |                                               |                                                        |          |                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                          |
|----|------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| 01 | Công ty CP Đầu tư xây lắp Miền Nam | Cổ đông lớn, tổ chức có liên quan của TV HĐQT | Số 225, Hùng Vương, KV4, P.V, TP. Vị Thanh, Hậu Giang. | Năm 2024 | Các hợp đồng số 3008/HĐXD.2022 ngày 30/08/2022, PLHĐ số 308/HĐXD.2022-PL1 ngày 27/09/2022; 17.11/2023/HĐKT.MN-CL ngày 17/11/2023; 51/2024/HĐKT.MN-CL ngày 05/01/2024; 2.02/2024/HĐKT.MN-CL ngày 02/02/2024; | Thực hiện thi công 04 công trình: Gói thầu số 1: Đoạn từ Km0+000 và đảm bảo giao thông bộ, đảm bảo giao thông thủy. Dự án đường tỉnh 929 (đoạn từ đường tỉnh 931B đến Quốc lộ 61); Gói thầu thi công xây dựng công trình: nâng cấp các tuyến đường đô thị giai đoạn 1, Địa điểm : phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ; Thi công một số hạng mục gói thầu: Thi công xây dựng và cung cấp, lắp đặt thiết bị Dự án: Nạo vét hồ Xáng Thối, cải tạo kè, công viên và đường quanh hồ quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ: Hạng mục Nâng cấp mở rộng mặt đường, cải tạo hệ thống thoát nước, hệ thống PCCC; Gói thầu: Thi công xây dựng và cung cấp, lắp đặt thiết bị Dự án: Nạo vét hồ Xáng Thối, cải tạo kè, công viên và đường quanh hồ, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Hạng mục nạo vét kênh, hồ Xáng Thối tổng giá trị 10,31 tỷ đồng. | Phát sinh giao dịch với Công ty TNHH MTV TM-DV-XD Cửu Long (công ty con) |
| 02 | Bà Nguyễn Thị Hạnh                 | NCLQ của CT.HĐQT                              | Phường Cái Khế, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ              | Năm 2024 | Các hợp đồng: 0210/HĐTN ngày 02/10/2023; 0106/2024/HĐTX ngày 01/6/2024                                                                                                                                      | Thuê nhà và xe với tổng giá trị 312 triệu đồng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Phát sinh giao dịch với Công ty TNHH MTV TM-DV-XD Cửu Long (công ty con) |
| 03 | Công ty TNHH Đầu tư                | NCLQ của CT.HĐQT                              | Áp 4, TT Vĩnh Viễn, huyện Long                         | Năm 2024 | Hợp đồng số: 12.01/2023/HĐTCXD ngày 12/01/2023, PLHĐ số 12.01/2023/HĐTCXD-PL1 ngày 22/07/2023                                                                                                               | Thực hiện thi công công trình: Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Trọng. Quyền tổng giá trị giao dịch 436 triệu đồng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Phát sinh giao dịch với Công ty TNHH MTV TM-DV-XD                        |

|    | Xây lắp<br>Hoa Anh                             | là giám đốc<br>điều hành                        | Mỹ, Hậu<br>Giang                                                       |             |                                                                                                                                               |                                                                                                                           | Cửu Long<br>(công ty con)                                                                |
|----|------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| 04 | Công ty<br>TNHH<br>MTV<br>CTN<br>Long Mỹ       | NCLQ của<br>TV.HĐQT là<br>giám đốc<br>điều hành | Số 33 đường<br>3/2, KV2,<br>P.Thuận An,<br>TX Long<br>Mỹ, Hậu<br>Giang | Năm<br>2024 | Hợp đồng số 01/2020/HĐ-MBSNSH<br>ngày 20/04/2020 và Phụ lục hợp đồng số:<br>01/PL-HĐ-MBSNS ngày 04/12/2020<br>01/HĐCTTS/LM-HG ngày 25/12/2020 | Hợp đồng mua si nước sạch với giá<br>trị 9,081 tỷ đồng.<br><br>Hợp đồng cho thuê tài sản với giá trị<br>654,5 triệu đồng. | Phát sinh giao<br>dịch với Công<br>ty TNHH MTV<br>Cấp nước<br>Hậu Giang<br>(Công ty con) |
| 05 | Công ty<br>TNHH<br>MTV Cấp<br>nước Tám<br>Ngàn | NCLQ của<br>TV.HĐQT là<br>giám đốc<br>điều hành | Áp 4, xã Vị<br>Bình, huyện<br>Vị Thủy,<br>tỉnh Hậu<br>Giang            | Năm<br>2024 | Hợp đồng số 01/2019/HĐ-MBSNS ngày<br>25/9/2019 và Phụ lục hợp đồng số: 04<br>ngày 20/5/2023<br>01/2019/HĐCTTS ngày 20/09/2019                 | Mua bán si nước sạch với tổng giá<br>trị 14,575 tỷ đồng.                                                                  |                                                                                          |
| 06 | Công ty<br>TNHH<br>MTV Cấp<br>nước<br>Ngã Bảy  | NCLQ của<br>CT.HĐQT là<br>giám đốc<br>điều hành | KV6, P.<br>Ngã Bảy,<br>TP.<br>Ngã Bảy,<br>tỉnh Hậu<br>Giang            | Năm<br>2024 | Hợp đồng số 02/2019/HĐ-MBSNS ngày<br>25/9/2019; Phụ lục hợp đồng số<br>05/PLHĐ-MBSNS ngày 20/5/2023                                           | Hợp đồng cho thuê tài sản với giá trị<br>180 triệu đồng.<br><br>Mua bán si nước sạch với tổng giá trị<br>26,592 tỷ đồng.  |                                                                                          |

### 3. giao dịch khác: Không.

Ghi chú: NCLQ là Người có liên quan./.

\*\*\*





Số: 30/BC-HĐQT

Hậu Giang, ngày 06 tháng 5 năm 2025

### BÁO CÁO

#### Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Nhiệm kỳ III (2020 – 2025) Phương hướng hoạt động Nhiệm kỳ IV (2025 – 2030)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp thoát nước  
– Công trình đô thị Hậu Giang.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần CTN – CTĐT Hậu Giang xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về hoạt động của HĐQT Nhiệm kỳ III (2020 – 2025) và phương hướng hoạt động Nhiệm kỳ IV (2025 – 2030) với những nội dung chính, như sau:

#### I. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp thoát nước – Công trình đô thị Hậu Giang nhiệm kỳ III (2020 - 2025) đã bầu Hội đồng quản trị gồm 7 thành viên, đến nay, HĐQT Công ty gồm có các thành viên sau:

| Stt | Họ và tên        | Chức danh                                        | Tỷ lệ sở hữu cổ phần<br>có quyền biểu quyết                                                         |
|-----|------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Vũ Minh Đức      | Chủ tịch HĐQT                                    | Sở hữu cá nhân: 0 cp (0%).<br>Đại diện vốn Công ty CP Đầu tư xây Miền Nam: 12.719.828 cp (51,128%). |
| 2   | Huỳnh Thông Minh | Thành viên HĐQT                                  | Sở hữu cá nhân: 0 cp.<br>Đại diện vốn: 0 cp                                                         |
| 3   | Bùi Trọng Lực    | Thành viên HĐQT,<br>Tổng Giám đốc                | Sở hữu cá nhân: 11.400 cp (0,046%).<br>Đại diện vốn NN: 8.990.251 cp (36,14%).                      |
| 4   | Quách Minh Hiền  | Thành viên HĐQT,<br>Phó Tổng Giám đốc            | Sở hữu cá nhân: 1.900 cp (0,008%).<br>Đại diện vốn NN: 1.267.856 cp (5,10%).                        |
| 5   | Cao Thế Khải     | Thành viên HĐQT,<br>Phó Tổng Giám đốc            | Sở hữu cá nhân: 36.700 cp (0,148%).<br>Đại diện vốn NN: 1.267.856 cp (5,10%).                       |
| 6   | Huỳnh Trung Tín  | Thành viên HĐQT,<br>Phó Tổng Giám đốc            | Sở hữu cá nhân: 10.000 cp (0,04%)<br>Đại diện vốn: 0 cp.                                            |
| 7   | Nguyễn Dũng Tiến | TV HĐQT, Chủ tịch<br>kiêm GD Công ty<br>Cửu Long | Sở hữu cá nhân: 100 cp (0,0004%)<br>Đại diện vốn: 0 cp.                                             |

**Ghi chú:**

- Ngày 28/4/2023, ĐHĐCĐ đã thống nhất miễn nhiệm Thành viên HĐQT nhiệm kỳ III (2020-2025) đối với ông Dương Văn Thọ theo nguyện vọng cá nhân và bầu bổ sung ông Nguyễn Dũng Tiến là Thành viên HĐQT nhiệm kỳ III (2020-2025).

- Ngày 18/3/2025, HĐQT đã miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT đối với ông Huỳnh Thông Minh theo đơn xin từ nhiệm và bầu ông Vũ Minh Đức giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ III (2020 – 2025).

**II. CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY ĐẾN NGÀY 31/12/2024**

| TT | Cơ cấu cổ đông               | Số lượng cổ đông | Số cổ phần | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|----|------------------------------|------------------|------------|------------------|
| 1  | Cổ đông lớn và cổ đông nhỏ   | 170              | 24.878.291 | 100              |
|    | - Cổ đông lớn                | 2                | 24.245.791 | 97,46            |
|    | - Cổ đông nhỏ                | 168              | 632.500    | 2,54             |
| 2  | Cổ đông tổ chức và cá nhân   | 170              | 24.878.291 | 100              |
|    | - Cổ đông tổ chức            | 4                | 24.360.791 | 97,92            |
|    | - Cổ đông cá nhân            | 166              | 517.500    | 2,08             |
| 3  | Cổ công nhà nước và ngoài NN | 170              | 24.878.291 | 100              |
|    | - Cổ đông nhà nước           | 1                | 11.525.963 | 46,33            |
|    | - Cổ đông ngoài nhà nước     | 169              | 13.352.328 | 53,67            |

**Ghi chú:** Số lượng cổ phần của cổ đông căn cứ vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty Cổ phần CTN-CTĐT Hậu Giang gần nhất (ngày 08/4/2025).

**III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ III (2020 – 2025)**

**1. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị**

Trong nhiệm kỳ III (2020 – 2025), HĐQT Công ty đã tổ chức hoạt động phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định khác của pháp luật, các thành viên HĐQT đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trước tập thể, hoàn thành tốt chức năng chỉ đạo, quản lý, giám sát theo quy định.

Các phiên họp HĐQT đều được triệu tập đúng theo quy định, đảm bảo về số lượng cuộc họp, số thành viên tham dự nhằm đảm bảo tính pháp lý và hiệu quả của cuộc họp. Các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT được xem xét và biểu quyết theo nguyên tắc “đa số” và được ban hành dưới hình thức văn bản (biên bản, nghị quyết, quyết định) và đều được thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định cho Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty.



Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị luôn bám sát tình hình thực tiễn, thường xuyên theo dõi tình hình hoạt động của Công ty, kịp thời chỉ đạo và định hướng để Ban Điều hành tổ chức, triển khai thực hiện hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông đề ra hàng năm.

Đặc biệt, trong nhiệm kỳ qua, HĐQT đã phê duyệt và chỉ đạo thực hiện thành công phương án tái cơ cấu, kiện toàn bộ máy tổ chức các đơn vị trực thuộc theo hướng tinh gọn, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị nhằm đáp ứng tốt yêu cầu công việc trong tình hình mới, cụ thể từ 09 chi nhánh và 05 phòng nghiệp vụ, hiện tại đã thành lập 3 công ty con (hạch toán độc lập) và 03 phòng nghiệp vụ, từ đó, giúp nâng cao năng lực quản lý, điều hành của đội ngũ lãnh đạo cấp trung và cấp cao, xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có năng lực, chuyên môn cao và nhiệt huyết trong công việc, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

HĐQT tổ chức triển khai đến ban điều hành thực hiện đầy đủ đúng quy định về việc công bố thông tin của công ty đại chúng theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Quy chế Công bố thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (CIMS).

HĐQT đã triển khai tổ chức thực hiện kịp thời việc hủy tư cách công ty đại chúng, hủy đăng ký giao dịch UPCOM và hủy đăng ký chứng khoán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) theo Nghị quyết số 29/NQ-ĐHĐCĐ được ĐHĐCĐ thông qua ngày ngày 28/5/2024, kết quả: Công ty hủy tư cách công ty đại chúng từ ngày 28/5/2024, hủy đăng ký giao dịch UPCOM từ ngày 23/7/2024 và hủy đăng ký chứng khoán đối với cổ phiếu Công ty tại VSDC từ ngày 13/8/2024.

**Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cơ bản nhiệm kỳ III (2020 – 2025):**

Mặc dù trong nhiệm kỳ qua tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp không ít khó khăn do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh và các yếu tố khác như nguồn nước khai thác bị ô nhiễm nghiêm trọng làm gia tăng chi phí sản xuất nước; hệ thống cấp nước chưa hoàn chỉnh và không đồng bộ, một số trạm, nhà máy nước đã khai thác hết công suất nên không đủ khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng của khách hàng, một số tuyến ống lâu năm đã xuống cấp làm ảnh hưởng đến việc phân phối, điều hòa áp lực và tỷ lệ thất thoát tăng cao; công tác thuê bao đô thị chuyển từ hình thức đặt hàng sang hình thức đấu thầu; giá vật tư, nguyên vật liệu đầu vào tăng cao và khan hiếm... đã ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động của Công ty đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận, nhưng HĐQT đã đưa ra chiến

lược đúng đắn, kịp thời, linh hoạt trong hoạt động SXKD, nhờ vậy Công ty đã thực hiện hoàn thành đa số các chỉ tiêu ĐHCĐ giao hàng năm, cụ thể như sau:

### 1.1. Các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh

| TT | CHỈ TIÊU                    | ĐVT                  | KẾT QUẢ THỰC HIỆN |        |        |        |        |                           |
|----|-----------------------------|----------------------|-------------------|--------|--------|--------|--------|---------------------------|
|    |                             |                      | 2020              | 2021   | 2022   | 2023   | 2024   | Tăng trưởng bình quân (%) |
| 1  | 2                           | 3                    | 4                 | 5      | 6      | 7      | 8      | 9                         |
| 01 | Sản lượng nước tiêu thụ     | Triệu m <sup>3</sup> | 12,038            | 12,435 | 13,132 | 13,944 | 14,955 | 5,58                      |
| 02 | Tỷ lệ thất thoát (9=8-4)    | %                    | 17,32             | 20,40  | 20,19  | 22,14  | 19,46  | 2,14                      |
| 03 | Doanh thu tiền nước         | Tỷ đồng              | 94,10             | 96,52  | 102,60 | 142,17 | 142,56 | 11,93                     |
| 04 | Doanh thu lĩnh vực đô thị   | Tỷ đồng              | 99,00             | 106,70 | 114,80 | 110,02 | 124,17 | 6,02                      |
| 05 | Doanh thu lĩnh vực xây dựng | Tỷ đồng              |                   | 20,94  | 72,92  | 49,99  | 44,20  | 51,30                     |



1.2. Về kết quả kinh doanh, lợi nhuận và nộp ngân sách nhà nước

| STT | Nội dung                                    | Năm 2020 |           | Năm 2021 |           | Năm 2022 |           | Năm 2023 |           | Năm 2024 |           | Tổng cộng |           |
|-----|---------------------------------------------|----------|-----------|----------|-----------|----------|-----------|----------|-----------|----------|-----------|-----------|-----------|
|     |                                             | KH       | Thực hiện | KH       | Thực hiện | KH       | Thực hiện | KH       | Thực hiện | KH       | Thực hiện | KH        | Thực hiện |
| I   | 2                                           | 3        | 4         | 5        | 6         | 7        | 8         | 9        | 10        | 11       | 12        | 13        | 14        |
| I   | Kết quả kinh doanh                          |          |           |          |           |          |           |          |           |          |           |           |           |
| 1   | Tổng doanh thu (triệu đồng)                 | 188.923  | 212.443   | 211.449  | 232.540   | 251.253  | 280.787   | 292.000  | 318.354   | 306.600  | 321.984   | 1.250.225 | 1.366.108 |
| 2   | Tổng chi phí (triệu đồng)                   | 172.612  | 195.612   | 204.482  | 222.855   | 241.366  | 272.603   | 282.860  | 300.019   | 296.100  | 300.233   | 1.197.420 | 1.291.322 |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)           | 16.311   | 16.831    | 6.967    | 9.685     | 9.887    | 8.184     | 9.140    | 18.335    | 10.500   | 21.751    | 52.805    | 74.786    |
| 4   | Thuế TNDN (triệu đồng)                      | 3.262    | 3.422     | 1.393    | 1.375     | 1.493    | 1.652     | 1.817    | 2.725     | 2.100    | 3.939     | 10.065    | 13.113    |
| 5   | Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)             | 13.049   | 13.409    | 5.574    | 8.310     | 8.394    | 6.532     | 7.323    | 15.610    | 8.400    | 17.812    | 42.740    | 61.673    |
| 6   | Cổ tức (%)                                  | 1.929    | 1.986     | 0.880    | 1.295     | 1.298    | 0.980     | 1.157    | 2.466     | 1.334    | 2.798     | 6.598     | 9.525     |
| II  | Tỷ suất lợi nhuận                           |          |           |          |           |          |           |          |           |          |           |           |           |
| I   | Tỷ suất LN/doanh thu                        |          |           |          |           |          |           |          |           |          |           |           |           |
| 1.1 | Tỷ suất LN/TT/doanh thu                     | 8,63     | 7,92      | 3,29     | 4,16      | 3,94     | 2,91      | 3,13     | 5,76      | 3,42     | 6,76      | 4,22      | 5,47      |
| 1.2 | Tỷ suất LN/ST/doanh thu                     | 6,91     | 6,31      | 2,64     | 3,57      | 3,34     | 2,33      | 2,51     | 4,90      | 2,74     | 5,53      | 3,42      | 4,51      |
| 2   | Tỷ suất lợi nhuận/tổng tài sản              |          |           |          |           |          |           |          |           |          |           |           |           |
| 2.1 | Tỷ suất LN/TT/tổng tài sản                  | 3,53     | 3,65      | 1,44     | 2,00      | 1,90     | 1,57      | 1,97     | 3,95      | 1,99     | 4,12      | 2,15      | 3,06      |
| 2.2 | Tỷ suất LN/ST/tổng tài sản                  | 2,83     | 2,90      | 1,15     | 1,71      | 1,61     | 1,25      | 1,58     | 3,37      | 1,59     | 3,37      | 1,74      | 2,52      |
| 3   | Tỷ suất LN/ST/vốn đầu tư của chủ sở hữu     | 5,25     | 5,39      | 2,24     | 3,34      | 3,37     | 2,63      | 2,94     | 6,27      | 3,38     | 7,16      | 3,44      | 4,96      |
| III | Nộp ngân sách nhà nước, số đã nộp (Tỷ đồng) | 19.431   | 16.812    | 15.138   | 18.222    | 17.403   | 16.021    | 16.073   | 19.403    | 16.000   | 16.888    | 84.680    | 87.346    |

### 1.3. Về tổng tài sản và nguồn vốn

| TT  | Chỉ tiêu                     | ĐVT        | Đến 31/12<br>Năm 2020 | Đến 31/12<br>Năm 2021 | Đến 31/12<br>Năm 2022 | Đến 31/12<br>Năm 2023 | Đến 31/12<br>Năm 2024 | Tăng/giảm |
|-----|------------------------------|------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------|
| I   | 2                            | 3          | 4                     | 5                     | 6                     | 7                     | 8                     | 9=8-4     |
| I   | Tổng tài sản                 | triệu đồng | 461.654               | 485.421               | 521.086               | 463.606               | 527.984               | 66.330    |
| 1   | Tài sản ngắn hạn             | triệu đồng | 101.623               | 108.100               | 135.290               | 152.798               | 194.974               | 93.351    |
| 2   | Tài sản dài hạn              | triệu đồng | 360.031               | 377.321               | 385.796               | 310.808               | 333.010               | -27.021   |
| II  | Tổng nguồn vốn               | triệu đồng | 461.654               | 485.421               | 521.086               | 463.606               | 527.984               | 66.330    |
| 1   | Nợ phải trả                  | triệu đồng | 79.360                | 96.065                | 128.617               | 127.536               | 184.099               | 104.739   |
| 2   | Vốn chủ sở hữu               | triệu đồng | 382.294               | 389.356               | 392.469               | 336.070               | 343.885               | -38.409   |
| 2.1 | Vốn đầu tư của chủ sở hữu    | triệu đồng | 248.783               | 248.783               | 248.783               | 248.783               | 248.783               | 0         |
| 2.2 | Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu | triệu đồng | 24.439                | 24.892                | 25.914                | 34.134                | 41.949                | 17.510    |
| 2.3 | Nguồn kinh phí và quỹ khác   | triệu đồng | 109.072               | 115.681               | 117.772               | 53.153                | 53.153                | -55.919   |



Trong 5 năm thực hiện kế hoạch nhiệm kỳ III, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra hàng năm như sau:

- Sản lượng nước tiêu thụ tăng bình quân: 5,58 %/năm.
- Doanh thu tiền nước tăng bình quân: 11,93%/năm.
- Doanh thu lĩnh vực đô thị tăng bình quân: 6,02%/năm.
- Doanh thu trong lĩnh vực xây dựng đạt chỉ tiêu theo kế hoạch hàng năm.
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu tăng bình quân: 9,37%/năm.
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản tăng bình quân: 22,36%/năm.
- Nộp ngân sách nhà nước tăng bình quân: 1,11%/năm.

## **2. Kết quả giám sát thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Tổng Giám đốc và người quản lý khác**

HĐQT đã thực hiện nghiêm công tác giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc điều hành và người quản lý khác của Công ty đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Trong nhiệm kỳ qua, Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành; triển khai đầy đủ và thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định HĐQT và ĐHĐCĐ; đã có nhiều giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT Công ty nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch hàng năm.

Tổng Giám đốc đã tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin đối với công ty đại chúng đã đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM theo quy định của Luật Chứng khoán và các quy định khác của pháp luật.

## **3. Tổng kết các cuộc họp, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị:**

HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, trong các trường hợp cần thiết, HĐQT đã tổ chức các phiên họp bất thường để kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các cuộc họp của HĐQT đều được triệu tập và chuẩn bị tài liệu đầy đủ theo quy định, nội dung cuộc họp được các thành viên HĐQT thảo luận công khai, trao đổi thẳng thắn, đánh giá đầy đủ và cân trọng, các cuộc họp đều có sự tham dự của thành viên Ban Kiểm soát với tư cách là quan sát viên nhằm đảm bảo tính pháp lý và hiệu quả của cuộc họp. Các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT được xem xét và biểu quyết theo nguyên tắc “đa số” và được ban hành dưới hình thức văn bản (biên bản, nghị quyết, quyết định) và đều được thông báo đầy đủ, kịp thời theo quy định cho Ban điều hành và Ban Kiểm soát Công ty.

Trong nhiệm kỳ, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp và ban hành các nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT và đã báo cáo tại ĐHĐCĐ Công ty hàng năm, cụ thể như sau:

- Năm 2020: HĐQT đã tổ chức 20 cuộc họp, ban hành 08 nghị quyết, 07 quyết định.

- Năm 2021: HĐQT đã tổ chức 17 cuộc họp, ban hành 14 nghị quyết, 08 quyết định.

- Năm 2022: HĐQT đã tổ chức 16 cuộc họp, ban hành 19 nghị quyết, 16 quyết định.

- Năm 2023: HĐQT đã tổ chức 11 cuộc họp, ban hành 07 nghị quyết, 07 quyết định.

- Năm 2024: HĐQT đã tổ chức 13 cuộc họp, ban hành 10 nghị quyết.

- Năm 2025 (đến tháng 3/2025): HĐQT tổ chức 07 cuộc họp, ban hành 03 nghị quyết.

#### **IV. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ IV (2025 - 2030)**

##### **1. Định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị**

Kế thừa và phát huy những thành tích đạt được trong nhiệm kỳ III (2020 – 2025), HĐQT Công ty phấn đấu thực hiện tốt chức năng lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của Công ty tiếp tục ổn định và phát triển, thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD nhiệm kỳ IV (2025 - 2030), cụ thể như sau:

- Xây dựng chiến lược phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh trong nhiệm kỳ IV (2025 - 2030) và kế hoạch từng năm trong nhiệm kỳ phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

- Thực hiện chức năng quản trị hoạt động của Công theo đúng phạm vi quyền hạn, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

- Nâng cao năng lực quản trị tài chính, sử dụng đồng vốn của cổ đông có hiệu quả, bảo toàn và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu; tăng cường công tác giám sát, quản lý tốt công nợ, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản.

- Tập trung khai thác các dự án đã hoàn thành và đẩy mạnh các dự án đang đầu tư để sớm đưa vào khai thác, nâng cao hiệu quả đầu tư; kiểm soát chặt chẽ các chi phí của các dự án đầu tư xây dựng, tránh lãng phí, không hiệu quả.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh lành mạnh với các doanh nghiệp cùng hoạt động trong lĩnh vực vệ sinh, môi trường, đô thị... để tạo thêm việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng hiệu quả hoạt động của Công ty và mang lại lợi ích cho cổ đông.



- Nâng cao năng lực sản xuất, cung cấp nước sạch, thực hiện “Cấp nước an toàn”. Tiếp tục liên kết, phối hợp tốt với các nhà đầu tư để khai thác tốt công suất của các nhà máy nước liên doanh, phục vụ tốt nhất nhu cầu sử dụng nước sạch của khách hàng.

- Huy động nguồn lực tài chính khác để mở rộng đầu tư thêm các dự án như: Năng lượng sạch, xử lý rác thải công nghiệp.

- Chỉ đạo và giám sát cơ chế điều hành, việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, chiến lược của thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Sắp xếp lại tổ chức bộ máy các đơn vị trực thuộc trên cơ sở giảm đầu mối; kiện toàn đội ngũ lãnh đạo và bộ phận nghiệp vụ, nâng cao năng lực quản lý, điều hành của đội ngũ lãnh đạo cấp trung và cấp cao, xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có năng lực, chuyên môn cao và nhiệt huyết trong công việc, vụ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao.

## 2. Một số chỉ tiêu chủ yếu trong nhiệm kỳ IV (2025 - 2030)

- Sản lượng nước tiêu thụ tăng bình quân 6-7%/năm.
- Phân đầu giảm tỷ lệ thất thoát đến năm cuối nhiệm kỳ còn dưới 14%/năm.
- Doanh thu tiền nước tăng trưởng bình quân 10%/năm.
- Doanh thu lĩnh vực đô thị tăng trưởng bình quân 7-9%/năm.
- Doanh thu lĩnh vực xây dựng tăng trưởng bình quân 5-10%/năm.
- Lợi nhuận hàng năm tăng từ 8-10%/năm.
- Tỷ suất cổ tức/vốn cổ phần trung bình hàng năm trong nhiệm kỳ đạt từ 2,5% trở lên.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ III (2020 - 2025) và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ IV (2025 - 2030).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Công bố đến cổ đông;
- Lưu: VT, ntb.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Vũ Minh Đức





**Phụ lục số 01**

**Các Quyết định của HĐQT nhiệm kỳ III (2020 – 2025)**

*(kèm theo Báo cáo ĐQ../BC-HĐQT ngày 05/5/2025 của Hội đồng quản trị Công ty)*

**1. Các Quyết định của HĐQT trong năm 2020 (từ khi đại hội)**

| TT | Số, ký hiệu Quyết định | Ngày ban hành | Nội dung                                                                                                         |
|----|------------------------|---------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | 06/QĐ-HĐQT             | 10/7/2020     | V/v ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ (sửa đổi năm 2020).                                                         |
| 2  | 07/QĐ-HĐQT             | 20/7/2020     | V/v ban hành Quy chế tuyển dụng, đào tạo và quản lý nhân sự (sửa đổi năm 2020).                                  |
| 3  | 08/QĐ-HĐQT             | 20/7/2020     | V/v ban hành Quy chế trả lương NLĐ (sửa đổi năm 2020).                                                           |
| 4  | 09/QĐ-HĐQT             | 20/7/2020     | V/v ban hành Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng người quản lý (sửa đổi năm 2020).                           |
| 5  | 10/QĐ-HĐQT             | 20/7/2020     | V/v ban hành Quy chế quản lý tài chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020).                                              |
| 6  | 11/QĐ-HĐQT             | 20/10/2020    | V/v cử người đại diện quản lý nguồn vốn sở hữu của Hawasuco tại Công ty TNHH MTV TM-DV-XD Cửu Long (Công ty con) |
| 7  | 12/QĐ-HĐQT             | 21/10/2020    | V/v ban hành Quy chế Thi đua - Khen thưởng (sửa đổi bổ sung năm 2020)                                            |

**2. Các Quyết định của HĐQT trong năm 2021**

| TT | Số, ký hiệu Quyết định | Ngày ban hành | Nội dung                                                                                  |
|----|------------------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | 05/QĐ-HĐQT             | 12/4/2021     | V/v ban hành Điều lệ Công ty (sửa đổi, năm 2021).                                         |
| 2  | 06/QĐ-HĐQT             | 12/4/2021     | V/v ban hành Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty (sửa đổi năm 2021).                       |
| 3  | 07/QĐ-HĐQT             | 12/4/2021     | V/v ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty (sửa đổi năm 2021).                       |
| 4  | 08/QĐ-HĐQT             | 12/4/2021     | V/v ban hành Quy chế công bố thông tin Công ty.                                           |
| 5  | 09/QĐ-HĐQT             | 12/4/2021     | V/v ban hành Quy chế Tuyển dụng đào tạo và quản lý nhân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2021).   |
| 6  | 10/QĐ-HĐQT             | 12/4/2021     | V/v ban hành Quy chế Trả lương thù lao tiền thưởng Người quản lý và Ban Kiểm soát Công ty |

|   |            |           |                                                                                                                 |
|---|------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |            |           | (sửa đổi, bổ sung năm 2021).                                                                                    |
| 7 | 11/QĐ-HĐQT | 12/4/2021 | V/v ban hành Quy chế Trả lương Người lao động Công ty (sửa đổi, bổ sung năm 2021).                              |
| 8 | 12/QĐ-HĐQT | 15/7/2021 | V/v bổ nhiệm lại ông Bùi Trọng Lực, giữ chức vụ Tổng Giám đốc Hawasuco có thời hạn 05 năm kể từ ngày 20/7/2021. |

### 3. Các Quyết định của HĐQT trong năm 2022

| TT | Số, ký hiệu Quyết định | Ngày ban hành | Nội dung                                                                                                                                                                                                   |
|----|------------------------|---------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | 01/QĐ-HĐQT             | 22/4/2022     | V/v ban hành Điều lệ Hawasuco (sửa đổi năm 2022).                                                                                                                                                          |
| 2  | 01A/QĐ-HĐQT            | 09/6/2022     | V/v thành lập Văn phòng đại diện của Hawasuco tại thành phố Cần Thơ.                                                                                                                                       |
| 3  | 02/QĐ-HĐQT             | 29/6/2022     | V/v ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty (sửa đổi, bổ sung năm 2022).                                                                                                                               |
| 4  | 03/QĐ-HĐQT             | 26/9/2022     | V/v bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV CTĐT Hậu Giang.                                                                                                                                               |
| 5  | 04/QĐ-HĐQT             | 26/9/2022     | V/v ban hành điều lệ Công ty TNHH Cửu Long (sửa đổi, bổ sung năm 2022).                                                                                                                                    |
| 6  | 05/QĐ-HĐQT             | 26/9/2022     | V/v ban hành Điều lệ Công ty CTĐT Hậu Giang (sửa đổi, bổ sung năm 2022).                                                                                                                                   |
| 7  | 06/QĐ-HĐQT             | 26/9/2022     | V/v phê duyệt Quy chế Quản lý tài chính Công ty CTĐT Hậu Giang (sửa đổi, bổ sung năm 2022).                                                                                                                |
| 8  | 07/QĐ-HĐQT             | 26/9/2022     | V/v phê duyệt Quy chế Quản lý tài chính Công ty TNHH Cửu Long (sửa đổi, bổ sung năm 2022).                                                                                                                 |
| 9  | 08/QĐ-HĐQT             | 09/12/2022    | V/v bổ nhiệm ông Huỳnh Trung Tín làm Chủ tịch kiêm Giám đốc và người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.                                                                      |
| 10 | 09/QĐ-HĐQT             | 09/12/2022    | V/v miễn nhiệm chức danh Chủ tịch kiêm Giám đốc và người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV CTĐT Hậu Giang đối với ông Vũ Minh Đức.                                                              |
| 11 | 10/QĐ-HĐQT             | 09/12/2022    | V/v bổ nhiệm ông Cao Thế Khải - Phó TGD Hawasuco là người đại diện 100% phần vốn góp của Hawasuco tại Công ty TNHH MTV CTĐT Hậu Giang, giữ chức vụ Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV CTĐT Hậu Giang. |
| 12 | 11/QĐ-HĐQT             | 30/12/2022    | V/v đổi tên Phòng Tổ chức – Hành chính trực thuộc Công ty thành Phòng Hành chính - Quản trị.                                                                                                               |
| 13 | 12/QĐ-HĐQT             | 30/12/2022    | V/v đổi tên Phòng Tài chính – Kế toán trực thuộc Công ty thành Phòng Tài chính - Kế hoạch.                                                                                                                 |
| 14 | 13/QĐ-HĐQT             | 30/12/2022    | V/v điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ Phòng Kỹ thuật trực thuộc Công ty.                                                                                                                                      |



|    |            |            |                                                                     |
|----|------------|------------|---------------------------------------------------------------------|
| 15 | 14/QĐ-HĐQT | 30/12/2022 | V/v giải thể Phòng Tin học – Quản lý khách hàng trực thuộc Công ty. |
| 16 | 15/QĐ-HĐQT | 30/12/2022 | V/v giải thể Phòng Kế hoạch – Tổng hợp – Vật tư trực thuộc Công ty. |

4. Các Quyết định của HĐQT trong năm 2023

| TT | Số, ký hiệu Quyết định | Ngày ban hành | Nội dung                                                                           |
|----|------------------------|---------------|------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | 01/QĐ-HĐQT             | 24/5/2023     | V/v chỉ thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2023                     |
| 2  | 02/QĐ-HĐQT             | 17/7/2023     | V/v ban hành Quy chế Trả lương Người quản lý Công ty (sửa đổi, bổ sung năm 2023).  |
| 3  | 03/QĐ-HĐQT             | 17/7/2023     | V/v ban hành Quy chế Trả lương Người lao động Công ty (sửa đổi, bổ sung năm 2023). |
| 4  | 04/QĐ-HĐQT             | 17/7/2023     | V/v ban hành Điều lệ Công ty Cấp nước Hậu Giang (sửa đổi, bổ sung năm 2023).       |
| 5  | 05/QĐ-HĐQT             | 17/7/2023     | V/v ban hành Điều lệ Công ty CTĐT Hậu Giang (sửa đổi, bổ sung năm 2023).           |
| 6  | 06/QĐ-HĐQT             | 17/7/2023     | V/v ban hành Điều lệ Công ty Cửu Long (sửa đổi, bổ sung năm 2023).                 |
| 7  | 07/QĐ-HĐQT             | 18/7/2023     | V/v chuyển xếp lương cho Tổng Giám đốc Công ty.                                    |

-----



**Phụ lục số 02**

**Nghị quyết của HĐQT nhiệm kỳ III (2020 – 2025)**

*(kèm theo Báo cáo 01./BC-HĐQT ngày 05./5./2025 của Hội đồng quản trị Công ty)*

**1. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành năm 2020 (từ khi đại hội)**

| TT | Số, ký hiệu<br>Nghị quyết | Ngày ban<br>hành | Nội dung                                                                                                                                                        |
|----|---------------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | 17/NQ-HĐQT                | 11/6/2020        | Thông nhất v/v lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2020 là Công ty Kiểm toán A&C.                                                               |
| 2  | 18/NQ-HĐQT                | 11/6/2020        | Thông nhất v/v phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện năm 2019.                                                                                                     |
| 3  | 19/NQ-HĐQT                | 25/6/2020        | Thông nhất v/v vay vốn và uỷ quyền cho Tổng Giám đốc ký các văn bản giao dịch với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang. |
| 4  | 20/NQ-HĐQT                | 20/7/2020        | V/v thông qua các quy chế của Công ty sửa đổi, bổ sung năm 2020.                                                                                                |
| 5  | 21/NQ-HĐQT                | 05/8/2020        | Về thời gian dự kiến tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2020.                                                                                                         |
| 6  | 23/NQ-HĐQT                | 20/10/2020       | V/v thành lập Công ty con trực thuộc Công ty.                                                                                                                   |
| 7  | 24/NQ-HĐQT                | 14/12/2020       | V/v thông qua đề án sắp xếp tổ chức bộ máy các đơn vị trực thuộc Hawasuco.                                                                                      |
| 8  | 25/NQ-HĐQT                | 29/12/2020       | V/v thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của một số chi nhánh trực thuộc Công ty.                                                                                |

**2. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành năm 2021**

| TT | Số, ký hiệu<br>Nghị quyết | Ngày ban<br>hành | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|---------------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | 01/NQ-HĐQT                | 28/01/2021       | Thông nhất thời gian dự kiến tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.                                                                                                                                                                                              |
| 2  | 12/NQ-HĐQT                | 12/4/2021        | Thông qua các quy chế của Công ty như: Quy chế Tuyển dụng, đào tạo và quản lý nhân sự; Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng Người quản lý và Ban Kiểm soát Công ty; Quy chế trả lương của Người lao động Công ty và Quy chế Công bố thông tin của Công ty. |

|    |             |            |                                                                                                                                                           |
|----|-------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3  | 13/NQ-HĐQT  | 12/4/2021  | V/v phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2020.                                                                                                          |
| 4  | 14/NQ-HĐQT  | 19/4/2021  | V/v vay vốn và ủy quyền ký các văn bản giao dịch với Ngân hàng Vietinbank Chi nhánh Hậu Giang.                                                            |
| 5  | 15/NQ-HĐQT  | 10/5/2021  | V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính năm 2021.                                                                                         |
| 6  | 16/NQ-HĐQT  | 24/5/2021  | V/v vay vốn và ủy quyền ký các văn bản giao dịch với Ngân hàng Agribank Hậu Giang.                                                                        |
| 7  | 17/NQ-HĐQT  | 28/5/2021  | V/v thống nhất chủ trương kêu gọi đầu tư xây dựng mới nhà máy nước mặt phục vụ cấp nước cho khu vực Cái Tắc và địa bàn lân cận bằng hình thức xã hội hóa. |
| 8  | 18/NQ-HĐQT  | 09/7/2021  | V/v thống nhất chủ trương đầu tư góp vốn bổ sung cho Công ty Cửu Long.                                                                                    |
| 9  | 19/NQ-HĐQT  | 09/7/2021  | V/v bổ nhiệm lại chức vụ Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Bùi Trọng Lực.                                                                                 |
| 10 | 19B/NQ-HĐQT | 09/7/2021  | V/v chỉ định thầu cho Công ty TNHH Cửu Long thực hiện gói thầu thi công mở rộng mạng lưới cấp nước trên địa bàn xã Tân Phú Thạnh.                         |
| 11 | 20/NQ-HĐQT  | 24/8/2021  | V/v thống nhất lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.                                                        |
| 12 | 21/NQ-HĐQT  | 21/9/2021  | V/v vay vốn và ủy quyền ký các văn bản giao dịch với Ngân hàng Vietinbank CN Hậu Giang (Hạn mức vay 50 tỷ đồng).                                          |
| 13 | 22/NQ-HĐQT  | 19/10/2021 | V/v thông qua phương án sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính và kế hoạch quỹ tiền lương năm 2021 (điều chỉnh).                                         |
| 14 | 23/NQ-HĐQT  | 13/12/2021 | V/v thành lập công ty con trực thuộc Hawasuco (Công ty TNHH MTV CTĐT Hậu Giang).                                                                          |

### 3. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành năm 2022

| TT | Số, ký hiệu Quyết định | Ngày ban hành | Nội dung                                                                                                          |
|----|------------------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | 01/NQ-HĐQT             | 02/3/2022     | V/v thống nhất thời gian dự kiến tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.                                              |
| 2  | 01A/NQ-HĐQT            | 28/3/2022     | V/v phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện của Người lao động và Quỹ tiền lương thực hiện của Người quản lý năm 2021. |



|    |             |            |                                                                                                                                                                                                           |
|----|-------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3  | 01B/NQ-HĐQT | 28/3/2022  | V/v phê duyệt Kế hoạch Quỹ tiền lương của Người lao động và Kế hoạch Quỹ tiền lương của Người quản lý năm 2022.                                                                                           |
| 4  | 09/NQ-HĐQT  | 12/5/2022  | V/v thông qua hồ sơ điều chỉnh giá nước sạch trên địa bàn tỉnh Hậu Giang (giai đoạn 2022-2024).                                                                                                           |
| 5  | 10/NQ-HĐQT  | 25/5/2022  | V/v tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.                                                                                                                                                              |
| 6  | 11/NQ-HĐQT  | 09/6/2022  | V/v thành lập Văn phòng đại diện của Hawasuco tại thành phố Cần Thơ.                                                                                                                                      |
| 7  | 12/NQ-HĐQT  | 24/6/2022  | V/v vay vốn và ủy quyền ký các văn bản giao dịch với Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - CN Hậu Giang.                                                                                               |
| 8  | 15/NQ-HĐQT  | 30/6/2022  | V/v bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty CP CTN-CTĐT Hậu Giang.                                                                                                                                      |
| 9  | 16/NQ-HĐQT  | 30/6/2022  | V/v vay vốn và ủy quyền ký các văn bản giao dịch với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hậu Giang.                                                                                                  |
| 10 | 17/NQ-HĐQT  | 26/9/2022  | V/v thông qua Điều lệ và phê duyệt quy chế của các công ty thành viên.                                                                                                                                    |
| 11 | 18/NQ-HĐQT  | 26/9/2022  | V/v miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT Công ty.                                                                                                                                                         |
| 12 | 19/NQ-HĐQT  | 26/9/2022  | V/v vay vốn và ủy quyền ký các văn bản giao dịch với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hậu Giang.                                                                                                  |
| 13 | 20/NQ-HĐQT  | 26/9/2022  | V/v thống nhất chủ trương xin điều chỉnh tên và công năng công trình "Xưởng sản xuất nước uống đóng chai, xe cải tiến chuyên dùng chở rác, tấm đan bê tông đúc sẵn" tại Cụm CN - TTCN thành phố Vị Thanh. |
| 14 | 21/NQ-HĐQT  | 26/9/2022  | V/v thông qua Kế hoạch tài chính năm 2023 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023-2025 của Công ty.                                                                                                        |
| 15 | 22/NQ-HĐQT  | 31/10/2022 | Về việc chuyển giao quyền sở hữu tài sản góp vốn cho Công ty TNHH MTV CTĐT Hậu Giang.                                                                                                                     |
| 16 | 22/NQ-HĐQT  | 09/12/2022 | V/v sắp xếp lại các phòng nghiệp vụ và Văn phòng đại diện trực thuộc Hawasuco.                                                                                                                            |
| 17 | 23/NQ-HĐQT  | 09/12/2022 | V/v thay đổi Chủ tịch kiêm Giám đốc, cử người đại diện theo pháp luật và người đại diện phần vốn góp của Hawasuco tại Công ty TNHH MTV CTĐT Hậu Giang.                                                    |
| 18 | 24/NQ-HĐQT  | 09/12/2022 | V/v chấm dứt hoạt động của các chi nhánh trực thuộc Hawasuco.                                                                                                                                             |
| 19 | 25/NQ-HĐQT  | 09/12/2022 | V/v thành lập Công ty TNHH MTV Cấp nước                                                                                                                                                                   |

|  |  |                                |
|--|--|--------------------------------|
|  |  | Hậu Giang trực thuộc Hawasuco. |
|--|--|--------------------------------|

#### 4. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành năm 2023

| TT | Số, ký hiệu Quyết định | Ngày ban hành | Nội dung                                                                                                                                                                                               |
|----|------------------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | 01/NQ-HĐQT             | 09/02/2023    | V/v dự kiến thời gian tổ chức phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.                                                                                                                                    |
| 2  | 11A/NQ-HĐQT            | 17/5/2023     | V/v phê duyệt quỹ lương thực hiện của NLĐ và quỹ lương thực hiện của NQL Công ty năm 2022; kế hoạch quỹ lương của NLĐ và kế hoạch quỹ lương của NQL Công ty năm 2023.                                  |
| 3  | 12/NQ-HĐQT             | 30/5/2023     | V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2023.                                                                                                                                          |
| 4  | 13/NQ-HĐQT             | 30/5/2023     | V/v vay vốn và ủy quyền ký các văn bản với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang.                                                                               |
| 5  | 14/NQ-HĐQT             | 30/5/2023     | V/v vay vốn và ủy quyền ký các văn bản với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang.                                                                                                  |
| 6  | 15/NQ-HĐQT             | 01/6/2023     | V/v vay vốn và ủy quyền ký các văn bản giao dịch với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang.                                                                                        |
| 7  | 16/NQ-HĐQT             | 17/7/2023     | V/v thông qua Quy chế Trả lương Người lao động; Quy chế Trả lương, thù lao, tiền thưởng của Người quản lý và Ban Kiểm soát Hawasuco và điều lệ của các công ty thành viên (sửa đổi, bổ sung năm 2023). |

#### 5. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành năm 2024

|    | Số, ký hiệu Quyết định | Ngày ban hành | Nội dung                                                                        |
|----|------------------------|---------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| 01 | 04/NQ-HĐQT             | 15/3/2024     | V/v gia hạn thời gian tổ chức phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.             |
| 02 | 08/NQ-HĐQT             | 09/4/2024     | V/v điều chỉnh thời gian gia hạn tổ chức phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.  |
| 03 | 11/NQ-HĐQT             | 07/5/2024     | V/v thông qua Kế hoạch tài chính của Công ty năm 2024.                          |
| 04 | 13B/NQ-HĐQT            | 24/5/2024     | V/v bảo đảm cho Công ty TNHH TV TM-DV-XD Cửu Long.                              |
| 05 | 31B/NQ-HĐQT            | 10/6/2024     | V/v phê duyệt quỹ lương thực năm 2023; kế hoạch quỹ lương năm 2024 của Công ty. |
| 06 | 32/NQ-HĐQT             | 11/6/2024     | V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2024.                   |



|    |            |           |                                                                                                                                                     |
|----|------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 07 | 33/NQ-HĐQT | 21/6/2024 | V/v đầu tư Dự án Nâng cấp, cải tạo Nhà máy nước Vị Thanh và đầu tư tuyến ống cấp nước chuyển tải từ Nhà máy nước Vị Thanh về Nhà máy nước Tám Ngàn. |
| 08 | 38/NQ-HĐQT | 05/9/2024 | V/v vay vốn và ủy quyền ký các văn bản với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang.                            |
| 09 | 39/NQ-HĐQT | 05/9/2024 | V/v vay vốn, bảo lãnh và ủy quyền ký các văn bản giao dịch với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang.                           |
| 10 | 41/NQ-HĐQT | 24/9/2024 | V/v bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV TM-DV-XD Cửu Long.                                                                                                |

**6. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành năm 2025 (đến đại hội)**

| TT | Số, ký hiệu Quyết định | Ngày ban hành | Nội dung                                                                                                                       |
|----|------------------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | 11/NQ-HĐQT             | 18/3/2025     | V/v thống nhất thời gian tổ chức phiên họp ĐHCĐ thường niên năm 2025, NK 2025-2030                                             |
| 2  | 12/NQ-HĐQT             | 18/3/2025     | V/v miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần CTN-CTĐT Hậu Giang đối với ông Huỳnh Thông Minh (theo đơn xin từ nhiệm) |
| 3  | 13/NQ-HĐQT             | 18/3/2025     | V/v bầu Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần CTN-CTĐT Hậu Giang đối với ông Vũ Minh Đức.                                              |

-----